

VĂN-HỌC

TẠP CHÍ

CƠ QUAN CHUYÊN KHẢO, CỨU, BÀN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI VỀ QUỐC-VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^o VÀ 15.

Revue littéraire paraissant le 1^{er} et le 15 de chaque mois

MỤC LỤC

- A.1412
- 1 — Bàn về văn - đề viết quốc - ngữ cho trúng 185
 - 2 — Văn thơ với khoa học 189
 - 3 — Thi thoại 191
 - 4 — Văn tuyển chú giải 195
 - 5 — Một cái cớ sai lầm trong các bản văn nôm cũ của ta. 202
 - 6 — Văn thơ cổ và kim 205
 - 7 — Giới thiệu sách mới 213
 - 8 — Những chuyên lý thú trên đàn văn 214
 - 9 — Dư luận : chữ quốc-ngữ ta cần phải sửa lại cho thành
thứ chữ hoàn toàn liên lợi 218
 - 10 — Dịch Hán - văn bài ký nhà mới quan thứ-sử Vĩnh-
Châu của Liễu-tử-hậu. 220
 - 11 — Bàn-nữ thân dẫn giải 222
 - 12 — Hoa - Lư kết - nghĩa (lịch-sử tiền-thuyết) 225
 - 13 — Mũi tên độc (tiền-thuyết đường rừng) 231
 - 14 — Chinh - phụ ngâm dịch ra Pháp-văn 236
 - 15 — Tin tức trong làng văn 240

CHỦ - BÚT : **Dương - Bá - Trạc** — CHỦ - NHIỆM : **Dương - Tự - Quán**

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông — Hanoi

GIẤY NÓI : 766

Giá bán : một năm : 4\$ 00 — nửa năm : 2\$ 10 — mỗi số : 0\$ 18



Ⓜ Sportsmen !

Adressez -
vous au

spécialiste

TINH - KY



84-86, Avenue Paul Doumer — Haiphong

Maison de Confiance

*pour vos choix de Raquettes, commandes de
Recordages, achats de Ballons,
de vêtements et accessoires de sports*

Thuộc nội hóa

Bản đường ra công khảo cứu đủ hết các môn thuốc nam chế tạo ra các thuốc Cao đan hoàn tán. Bệnh nào có đủ thuốc ấy, linh nghiệm như thần, xa gần ai cũng biết tiếng. Đã được bằng khen, và được Hội đồng khoa-học xét nghiệm, cấp cho văn bằng danh dự sáng chế. Thực là một nhà thuốc rất giá trị của người Việt Nam.

Cần dùng nhiều người làm Đại lý ở khắp các tỉnh trong xứ Đông-Dương
Thẻ lệ rất hay. Hoa hồng rất hậu

Ngài nào sẵn lòng chiến cố đến thuốc Nội-Hóa để chấn hưng cho thực nghiệp nước nhà, và giữ mỗi lợi quyền cho xã-hội, xin cứ gửi thư cho nhà thuốc

NAM THIÊN ĐƯƠNG

46, Rue Bacninh Nam-Định mà lấy chương trình và catalogue.

Báo Đông-Phương

86 — 88, Phố Cầu Gỗ, 86 — 88
HANOI-TONKIN

Đọc báo Đông-Phương thì được biết các bài nghị luận xác thực, và các tin tức có qua, hệ đến dân sinh dân trí.

MỤC ĐÍCH ĐÔNG-PHƯƠNG

Cơ Quan phấn đấu trong cuộc sinh tồn cạnh tranh của toàn thể quốc dân

PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH :

1. — Gây mối dư luận chân chính để làm chuẩn đích cho quốc dân xu hướng.
2. — Truyền bá tư tưởng về văn học xã hội, chính trị, kinh tế để đào tạo tinh thần phấn đấu với các sự khó khăn ở đời.
3. — Tìm những phương pháp thích thời để mưu tính cuộc sinh tồn chung

VĂN-HỌC TẬP-CHỈ

BÀN VỀ VẤN ĐỀ viết quốc-ngữ cho trúng

Đọc V. H. T. C. số 11, bài đầu, về vấn-đề viết chữ quốc-ngữ cho trúng, tôi lấy làm phục cái ý-nghĩ của tác-giả, song tựu trung cũng có điều tuy không đáng công - kích, nhưng phải thêm bớt, cái ý-nghĩ tốt ấy mới thành một vấn-đề được.

Thường xem báo, đọc sách, về phần riêng tôi, một điều đáng chán hơn hết. Là thấy trong nhiều bài rất có giá - trị, mà lại có lắm chữ viết sai tiếng, khiến đọc-giả đôi khi phải hiểu sai nghĩa.

Thử xét những sách gọi là « giáo-khoa thư » của các bậc mô - phạm soạn đề dạy trẻ em trong nước, thời thấy không mấy quyển là không đầy những chữ viết lầm lạc. Trong các báo cũng thế.

Tiếng ta, trong ba Kỳ, đều là một tiếng. Nhưng vì non sông cách-trở, vì tập-tục gây nên, mà xứ này xứ nọ còn có nhiều giọng nói, tiếng nói khác nhau.

Ngoài Bắc-Kỳ, nhiều nơi giọng nói có trại-bệ, nghĩa là cùng một tiếng mà nói không trúng âm, như *nhấy*

nói *nảy*, *lên* nói *nên*, *giếng* nói *rlêng*, *trí* nói *chí*, *trồng* nói *rồng*, *trời* nói *giời*, *sương* nói *xương* *vân*, *vân*.

Ở Trung-kỳ những tiếng về vần *ah* năng nói ra vần *gi* hoặc vần *d*, như *nhà* nói *già*, *nhau* nói *dau*, lại không phân biệt những chữ có *g*, *không g*, những chữ sau có *c* hay là có *t*, những tiếng có dấu *?* hay là dấu *~*.

Người Nam - Kỳ. cũng năng lộn những tiếng sau có *c* hay là có *t*, như *một chút* nói *một chúc*, và những tiếng vần *u* lại ghép vào vần *d*, như *đi vào* nói *đi dào* *vân*, *vân*.

Nếu so sánh những tiếng trại *bẹ* ấy, trong ba Kỳ thời người Bắc nói lỗi tiếng nhiều hơn người Trung-Nam. Ấy là nói sự lộn lộn trong đám có học thức với nhau, chỉ như kể sự sai lầm tiếng nói ở thôn quê thời không làm sao mà kể hết được.

Ký-giả, nhớ ở Kinh có một câu ca dao, người ta thường hát để nêu sự nói trại tiếng của người xứ quê trong tỉnh Thừa-Thiên. Câu rằng : « *Trăng trắng sao sữa, trời sáng sữa, Sông sáu suối sữa, sông trắng trẻ* » Mà nói ra : « *Tăng tăng thao thừa, tời thàng thừa, thông thâu thuối thừa, thóng tàng tề* ». Ở các tỉnh khác, người quê mùa nói sai tiếng, đại-loại như thế, không nơi nào là không có.

Nhưng người biết chữ, thời, đầu sinh trưởng ở thôn quê, trong khi viết văn, đều phải viết cho đúng chữ, mới gọi là học - giả.

Trong bài « *Vấn-đề viết quốc - ngữ cho đúng* » của V. H. T. C. số 11, trang 64, tác-giả có kể câu : « *nhờ đó vụ sung đột ấy khởi xình ra chiến tranh* » của ông Phan-Khôi, rồi trích một chữ *xình* và nói rằng ông Phan-Khôi lại lầm chữ *sính* ra chữ *xình*. Tôi xem xong, ngẫm nghĩ mà tức - cười suốt một ngày, đến nay hể nhớ lại cười ... Tôi cười, vì trong câu của ông Phan-Khôi đó có đến hai chữ phải trích, chứ không phải một chữ. Hai chữ ấy là chữ *sung* và chữ *xình*. Tác-giả bài « *Vấn-đề viết quốc ngữ...* » trích chữ *xình* là lầm, sao lại không

biết trích chữ *sung* cũng là lầm. *Sung* đột phải nói là *xung* đột, *xinh* ra phải nói là *sinh* ra mới trùng giọng.

Tác-giả bài « Vấn-đề . . . » ấy, xem như nghiêm khắc với những người lười, khi viết dành đề cho ngòi viết muốn kẻ một chữ ra mấy hình cũng được. Thế mà khi ông chỉ trích, ông lại đề cho con mắt nháy qua một chữ sai trong câu văn của ông đã lựa đề làm thí dụ, mà không chú ý đến. Câu ấy lại không giải, chữ ấy lại cách chữ ông trích có ba chữ thôi. Vậy thời ông cũng là lười, hay là ông không biết, cái bệnh lười là một bệnh thông thường trong làng văn, hay là chữ Việt ta quả là khó viết cho trùng, xem cho tường?

Ấy, đã đành rằng tiếng nói trong ba Kỳ, nơi nào cũng có ít nhiều tiếng nói sai giọng, (không kể những tiếng nói khác nhau như cái *dù* nói cái *ô*, cá *trăn* nói cá *quả* vân, vân) đã đành như thế, song muốn cho chữ quốc-ngữ có nhứt định, ta cần phải đòi lười làm siêng, lại phải biết chỗ sai lầm mà cải quá, hoặc cầu thay sửa đổi mới nên được.

Có nhiều người viết văn đã lười lại liều. Viết đã sai chữ, mà có người chỉ trích cho lại đâm nói bậy. Tôi nhớ một hôm đọc báo, thấy một bài xã thuyết hay của một người bạn.

Tôi liền tìm đến nhà bạn khen ngợi, nhưng trong khi trò chuyện tôi có chỉ trích đôi chữ sai lầm. Thời bạn tôi nói : « Anh nghĩ, văn cầu cho hay, cho kêu, còn như viết thời viết theo tiếng nói mẹ - đẻ là cùng, tôi từ khi học nói đến nay đứng làm trợ bút một nhà báo, chỉ quen nói « *sinh* đẹp » nay anh bắt tôi nói « *xinh* đẹp », phỏng có ích gì cho câu văn trơn chảy của tôi đâu. » Những lời nói liều như thế, chắc cũng lắm người đã nói qua. Tôi xin đồng thanh với tác-giả bài « Vấn đề viết quốc ngữ cho 'trùng' » mà chê những người lười và liều ấy.

Tác - giả bài « Vấn đề . . . » lại còn trích những chữ *hãy* của ông Đào-duy-Anh, viết trong « Thế-Giới Sử »

mà bàn rằng : hay là ở Trung-Kỳ vẫn nói vậy chẳng (nghĩa là nói *hễ* ra *hãy*). Không phải ; người Trung Kỳ không lộn chữ *hễ* ra *hãy*. Huống chi ông Đào-Duy-Anh lại là người quê ở đàng-ngoài, thời không biết ông học đâu mà lại dùng *hãy* làm *hễ*, hay là ông cho chữ *hễ* là tục mà tự ý đổi ra chữ *hãy*. Đó lại là một vấn đề khác, cũng can hệ đến nền - móng quốc-văn, ta sẽ bàn trong một bài sau.

Theo sự nghe thấy của tôi, thời trong ba Kỳ, chỉ có kẻ học thức hai tỉnh Quảng-Bình và Quảng-Trị là nói ít sai tiếng và viết rất trùng chữ. Một người quê quán tỉnh Quảng-Bình, thường hay viết báo là Hoài-Nam tiên sanh; tôi xin giới-thiệu cùng đọc - giả, để khi đọc những bài vở của tiên-sanh, cho có ý xem xét chữ mà suy nghĩ, chắc cũng có ích cho sự viết trùng chữ quốc-ngữ. Ở Bắc-hà, thời có Phạm-Quỳnh tiên-sanh, văn cũng ít khi có chữ lầm. Nơi Đê-đô, có Văn-Hàn tiên-sanh và Hòe-Đình tiên-sanh là hai anh em, thường hay nghiên cứu quốc-văn và hay luyện chữ cho trùng tiếng.

Nếu trong hội-đồng biên-tập bộ Việt-Nam Tự Điển là cái then chốt tương lai của quốc-văn, gồm có những tay học thức, có lòng nhiệt thành với quốc-văn, như các tiên - sanh kể trên, thời họa may việc định hình cho mỗi chữ mới có phần xác-lạc được ; bằng không thời bộ Việt-Nam Tự Điển rồi e cũng chẳng khác các bộ « Giáo - Khoa - Thư » là những sách « Loài chim đẻ ra... trứng » mà ta thường nghe trẻ em lấp đi lấp lại trăm ngàn vạn lần vậy.

Tôi viết đến đây, gác bút, đọc lại bài này, trong lòng vẫn hoài nghi, không biết có khỏi lắm chữ không. nếu còn có chữ sai lạc, thời quốc - văn Đại-Cồ-Việt ta khó viết thật. Mong nhờ các bậc am tường chỉ giáo.

THUCDẬT

VĂN THƠ' VỚI KHOA HỌC

Có kẻ bảo : « Khoa học giết chết văn chương ! ? (la science tue la lettre) họ nói thế là không được công bằng.

Ở đời còn có cái gì êm đềm bằng văn chương nữa không ? Người ta sống về hy vọng ; đã có hy vọng tất có ảo tưởng. Trong những cái ảo tưởng những cái hy vọng thì có văn chương là cái ảo tưởng, cái hy vọng đẹp nhất !

Khoa học thì cần phải rõ nguyên nhân, có tang chứng, mới đặt nổi công lệ, chớ văn chương không cần gì hết, thế mà có thể đẩy vào óc ta, đem vào trái tim ta những điều ta không thể cãi được, cái ấy là cái đặc quyền, một cái quyền vô hình của văn chương vậy.

Nhà cách trí chỉ tin những điều đã kinh nghiệm, còn nhà văn hào không khảo cứu mà thường biết hơn nhà cách trí ! Những nhà cách trí nguyên vẫn có hồn văn chương, song vì họ mờ

tối mà không biết đó thôi ! Hồn văn của họ là tình, một mối văn chương mà ai cũng có và cần phải có.

Hoa đào hé miệng, thu thủy long lanh, ta vì tình cảm mà phải khóc phải cười, câu cười tiếng khóc đó cũng văn chương ! Hỏi lý xem có nên cười nên khóc không thì lý bảo không, lý bảo không là phải lắm, vậy mà lý không ngăn nổi ta cười, ta khóc ! Cái lý đó là cách trí, tiếng cười tiếng khóc là văn chương, xét vậy đủ biết văn chương bao giờ cũng thắng cách trí. Ta thường thấy các vị đầu tóc bạc phơ, các nhà thông thái, lắm lúc bị tình cảm xúc động, khóc như đứa trẻ con, họ khóc mà họ vẫn cười, giọt nước mắt của nhà làm thơ mới lạ chớ ! Cả nước Pháp cho ông Musset là cái hồn nước mắt, họ cợt ông, vậy mà mỗi khi họ đọc những văn thơ, họ vẫn phải góp giọt lệ của họ vào cái bồn nước mắt đã đầy tràn ấy !

Trong cách trí, ý tưởng có hạn, chỉ biết những cái đã biết, rồi chỉ nhìn đây mà lý hội, không còn phân vân gì nữa. Văn chương thì khác, văn chương là do sự phảng phất, do cái ảo tưởng, do sự mơ màng làm ta không thể biết cả mọi điều một lúc được.

Văn chương là một việc tình cờ, là cái tay êm dềm của người thiếu nữ thường chầm chọc ta luôn! Văn chương là cái liếc mắt nhìn thế giới lơ mơ phảng phất vô cùng vô hạn của vũ trụ.

Cái nhõn giới của cách trí là nhõn giới con kiến bò quanh trên miệng chén. chỉ nhìn xuống chớ không nhìn lên, còn cái nhõn giới của văn chương là một cái nhõn giới lạ lùng, chứa đầy sóng điện, hễ khi ta bị xúc động tức thì những làn sóng ấy xô nhau vào khoảng vô cùng không khác chi những cây cối đâm rễ xuống để hút những đồ ăn làm cho hoa lá tươi tốt, ngành ngọn xanh rờn!

Các khoa học, khoa nào cũng tự phụ cả, song không khoa nào có quyền tự phụ như khoa văn chương, vì

văn chương là trời đất, là tất cả! Các khoa học còn thua trời đất, lý tất nhiên là thua văn chương!

Hỏi có nhà danh họa nào vẽ được những bức tranh đẹp như mặt trời mới rạng, như bãi biển chiều hôm, như hăng-nga ẩn bóng, như mặt nước sóng cồn, như muôn nghìn bức tranh của tạo-hóa không? Còn có cái triết học nào cao xa bằng bức tranh vân cầu, bằng bãi bể nương dâu, bằng tấn tuồng to tát của hóa công đã bày đặt ra chưa? Có cái sức mạnh của máy móc nào làm ta hãi hùng kinh sợ bằng tiếng biển gầm gió thét chưa?

Than ôi! các ông theo khoa học từ xưa đã quá tự phụ, chớ biết đâu rằng cái biết của khoa học so cái biết của văn chương thì cái biết của khoa học lại là cái không biết!

Nói tóm lại, các cuộc vui ở đời cuộc nào cũng có hạn, duy chỉ cuộc vui của văn chương là vô hạn, vậy sao ta nỡ hờ hững với văn chương để cho hồn văn phải mai một?

BĂNG-DƯƠNG
(Sài-thành)

THI THOẠI

Thơ hay có hai cách : một cách hay điều luyện, một cách hay tự nhiên đều là cái biệt tài của nhà làm thơ cả.



Hay điều luyện như những câu :

*Một trái trăng thu chín mòm mòm,
Nầy vàng quế đỏ đỏ lòm lòm.*

(THƠ VỊNH NGUYỆT CỦA HỒ-XUÂN-HƯƠNG).

*Chôn chặt văn chương ba thước đất,
Ném tung hồ thỉ bốn phương trời.*

(THƠ KHÓC ÔNG PHỦ VĨNH-TƯỜNG CỦA HỒ-XUÂN-HƯƠNG).

*Khắc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào,
Miếng tình ghen mãi biết làm sao !*

(THƠ GỬI CHO TÌNH NHÂN CỦA ÔN-NHƯ-HẦU).

*Nước đã mấy con, con nước lớn,
Trăng bao nhiêu tuổi, tuổi trăng già.*

(THƠ HỎI TRĂNG HỎI NƯỚC CỦA TRẦN-KẾ-XƯƠNG)

*Lửa ân dập mãi sao không tắt,
Bề ái khơi mà cũng chẳng vơi.*

(THƠ GỬI CHO TÌNH NHÂN CỦA CHIỀU-LÝ)

*Sương nhều giọt sầu lươn lá chuối.
Gió đưa hơi thảm phất cành thông.*

(THI TỤC KHUÊ-PHỤ OÁN CỦA THƯỢNG-TÂN-THỊ).

*Buộc giây u-uất bao nhiêu mối,
Mở học sầu tư biết mấy ngăn.*

(THƠ TỤC-KHUÊ-PHỤ-OÁN CỦA THƯỢNG-TÂN-THỊ)

*Đập cổ kinh (1) ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn y (2) lại để dành hơi.*

(THƠ KHÓC BẰNG-PHI CỦA GIỰC-TÔN HOÀNG-ĐẾ)

1) Gương cũ.

2) Áo nát.

*Dễ gọi người nằm thiên cổ (1) giay,
Sương trùm cảnh đứng tứ canh (2) đi.*

(THƠ VINH CANH NĂM CỦA ÔN-NHƯ-HÀU)

*Đưa lọt kẻ mảnh khuôn gió đẹp,
Luồn qua cửa sổ nếp trắng vuông.*

(THƠ VINH CANH CỦA ÔN-NHƯ-HÀU)

Những câu đó lập ý thật là cao kỳ, dùng chữ thật là tân dĩnh (3), mà thấy cái công phu khắc-hoạch tinh tế biết là nhường nào !



Hay tự nhiên thì như những bài :

*Tháng ngày thắm thoát tựa chim bay,
Ông gẫm mình ông nghĩ cũng hay.
Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ ?
Răng long ngày trước hãy còn đây.
Câu thơ được chữa, thừa rằng được,
Chén rượu say rồi, nói chữa say.
Kẻ ở trên đời lo-lắng cả,
Nghĩ ra ông sợ cái ông này.*

(THƠ CẢM HỨNG CỦA NGUYỄN-KHUYẾN YÊN-ĐỒ)

*Năm nay tớ đã bảy mươi tư,
Răng lão răng quan tớ cũng ừ.
Lúc hưng đánh thêm ba chén rượu,
Khi buồn ngâm lão một câu thơ.
Bạn già lớp trước nay còn mấy ?
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như.
Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa,
Thử xem mãi mãi thế này ư.*

(THƠ CẢM HỨNG CỦA NGUYỄN-KHUYẾN YÊN-ĐỒ)

-
- 1) Ngàn đời trước.
 - 2) Bốn canh.
 - 3) Mới mẻ lạ lùng.

Năm nay cày cấy vẫn chân thua,
 Chiêm mất đặng chiêm, mùa mất mùa.
 Phần thuế quan thu, phần trả nợ,
 Nửa công-dừa ở, nửa thuê bò.
 Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,
 Chợ búa trâu cau chẳng dám mua ;
 Tần tiện thế mà sao chữa khá?
 Nhờ giờ rồi cũng mấy gian kho.

(THƠ LÀM RUỘNG CỦA NGUYỄN-KHUYẾN YÊN-ĐỒ)

Tấp tễnh người đi tớ cũng đi,
 Cũng lều cũng chiếu cũng vô thi ;
 Tiền chân có mất hai tiền lẻ,
 Sờ bụng thầy không một chữ gì !
 Ôn nước cũng nhờ thêm giải ngạch (1),
 Phúc nhà may được sạch trường-qui (2).
 Bốn kỳ trọn vẹn thêm kỳ nữa.
 Á á u ở ngọn bút chì (3).

(THƠ ĐI THI CỦA TRẦN-KẾ-XƯƠNG)

Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi,
 Bấm đốt hai mươi bốn tuổi rồi.
 Ngày giữ lệ thường hai bữa một,
 Vợ quen thói cũ ba năm đôi
 Hai khoa hương thí (4) không đậu cả,
 Mấy thước vườn hoang bán sạch rồi.
 Trời đất ghen riêng ai mãi mãi,
 Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi.

(THƠ THAN NGHÈO CỦA TRẦN-KẾ-XƯƠNG)

Em giận rằng em chưa có chồng,
 Ngày năm bảy mối, tối năm không.

1) Số lấy đồ

2) Thẻ lệ trường thi.

3) Khoa thi ấy mới có thêm một kỳ quốc - ngữ.

Thi cử-nhân tú-tài ta trước gọi là thi trường hương.

Thiếu gì chỗ nọ xêu trầu vỏ,
 Mà lại nơi kia tét cốm hồng.
 Hầu-lố khách đà ba, bảy chú,
 Mét xi tây cũng bốn, năm ông.
 Ép dầu ép mỡ duyên ai ép,
 Có mẩn may ra đã bẻ bông.

(THƠ GÁI MUỘN CHỒNG CỦA TRẦN-KẾ-XƯƠNG)

Những bài thơ đó đọc lên cứ hình như là nói chuyện, chẳng có đúc chuốt đẽo gọt một tí gì cả, mà ý vị cũng thâm trường, giọng điệu cũng êm ái là nhường nào.

T. H.



SỐ ĐẶC BIỆT VỀ NGÀY KỶ NIỆM VĂN-HỌC TẠP-CHÍ XUẤT BẢN

Đến tháng Mai 1933 này, bản-chí định ra một số đặc-biệt vừa để đáp tằm thịnh tình của các bạn đọc-giả, vừa để kỷ niệm ngày Văn-học Tạp-chí xuất bản

Số ấy sẽ in dày gấp rưỡi số báo thường, in vào giấy nhẵn tốt in hai mùi mực, (xanh và đỏ) có nhiều tranh vẽ và hình ảnh. Hiện bản-chí đang dự bị (vì phải dự bị từ bây giờ mới kịp) biên - tập để số báo ấy gồm đủ được cả ba cái đặc sắc : hay, vui, đẹp (1).

Nhưng muốn cho số báo ấy được thật hoàn toàn, bản-chí phải cần sự giúp sức chung của tất cả các bạn đọc-giả. Vậy trong các ngài, ai có bài văn cổ hay kim, tranh ảnh về phong cảnh, hình chụp hay tự tích các cụ văn-hào, tranh vẽ có ý nghĩa về văn-học xin các ngài sẵn lòng gửi lại giúp cho, bản-chí xin hết sức hoan nghênh. Đối với các ngài gửi về như thế, hễ bài nào hay bản nào bản-chí in được sẽ gửi biếu riêng quyển tạp-chí đặc biệt ấy và biếu thêm 2 bộ sách của nhà in Đông-Tây xuất bản nữa. Mong các ngài giúp cho. Xin đa tạ các ngài trước.

1, Số này sẽ bán từ 0\$25 đến 0\$30. Song đối với các đọc giả mua, năm thì bản-chí không giảm linh hơn và cũng coi như số báo thường

Văn tuyên chú giải

Bản-chí mở ra mục này, lựa chọn trong các báo chí gần đây, trích lục những bài văn dịch đáng có th làm mẫu mực được mà chủ thích những chữ khó hiểu và dẫn giải ý nghĩa từng đoạn trong bài văn để giúp cho độ-giả dễ nhận biết những cách lập ý, bố cục, đặt lời, dùng chữ về sự làm văn vậy.

= × =

NGƯỜI VIỆT-NAM KHÔNG AI LÀ KHÔNG CÓ CÁI TƯ TƯỞNG « ÔNG QUAN » Ở TRONG BỤNG

I.— Cái câu mà ký-gả (1) lấy làm đầu bài đây là một câu trào-phúng (2) của một nhà văn-sĩ Pháp quan sát (3) về người mình mà nói ra có ý trung-cáo (4) cho người mình, câu nói nghe như cười mà dễ thương cũng có thật. Phải, cứ theo cái tập-quán di truyền (5) ở trong xã-hội mình từ xưa đến nay thì suốt trong đời không có cái nghề gì quý hơn cái nghề làm quan cả, vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao (6), mà đọc thư đó là học để đi thi, thi để lấy đỗ, đỗ để ăn cơm vua, hưởng lộc nước, có bổng có lênh, có thể có quyền; chỉ có cái nghề ấy mới là cái nghề vinh thân phì gia (7) được, phong thê ẩm tử (8) được, chỉ làm cái nghề ấy mới mong có ngày nở nang được mây mặt, quang hiển (9) được ông cha, còn hết thấy mọi nghề đều cho là

1) Người viết bài này

2) Nói bông đùa mà có ý chế diễu.

3) Xem xét.

4) Bảo thực.

5) Thói quen đời trước truyền lại đời sau.

6) Muốn bậc người đều là hạng hèn kém cả, chỉ có người đọc sách là cao hơn hết.

7) Vinh thân mình, lợi nhà mình.

8) Làm cho vợ được sắc phong, con được tập ẩm.

9) Rõ rệt.

mat nghệ. (1); bắt đắ dĩ không mon men được vào con đường khoa hoạn (2) mà phải làm nghề này nghiệp khác, là miễn cưỡng mưu cái kế sinh hoạt qua ngày, không có chút hứng thú gì đối với nghề mình, mà cũng không mong được chút vinh dự (3) gì về cái nghề mình nữa; cho nên khi thì làm, khi thì bỏ, nay nghề này, mai nghề khác, cần cho đủ no bụng ấm cái thì thôi, không cần lấy tinh lấy giỏi làm gì, mà có giỏi có tinh thì cái địa vị mình trong xã hội cũng không sao sang trọng vẻ vang cho bằng người có chút phẩm kia hàm nọ; làm nghề dạy học thì suốt đời chỉ đeo được cái tiếng thầy đồ; làm nghề đi buôn thì suốt đời không tránh khỏi cái tên anh lái; làm nghề thợ thì khôn khéo thế nào cũng không đổi được cái ngôi chủ phó; làm nghề ruộng rẫy thì hay hóm cách mấy cũng không thay được cái bậc trai cày. Ấy tự xưa đến nay trong xã-hội mình vẫn có cái tập-quán sai lầm quá như thế.

II.--Vi thế mà người mình chỉ trừ có một nghề làm quan là cái nghề ai cũng thêm thường ao ước, còn bao nhiêu nghề nghiệp khác, thì người làm nghề thật không mấy ai có bụng mến thiết nghề mình, đã không mến thiết nghề thì tất không chuyên nghề, mà không chuyên nghề thì còn tinh nghề thế nào được. Thử xét trong xã-hội mình, nghề gì cũng vậy, cũng cầu - thả, cũng mỗ mãng (4), cũng không được tinh tiến như người; không nói những đại công nghệ, (5) những đại thương nghiệp (6) là cái nghề mới ở Âu - Mỹ truyền sang, chưa

1) Nghề mat, nghề dê tiện.

2) thi đỗ làm quan.

3) tiếng khen vẻ vang.

4) Làm dối dá bôi soa không kỹ - lưỡng.

5) Nghề chế tạo nhơn như lập nhà máy tơ, nhà máy sợi v. v.

6) Nghề buôn bán lớn.

mấy ai theo chân nổi gót được người đã đành, mà đến cái nghề nông là cái nghề tối cổ (1) đã mấy ngàn năm, đến ngày nay trở lại dật lị thua cả người Xiêm-la Diến-diện, ngoài ra như đồ dệt, đồ thêu, đồ đồng, đồ sứ, một trăm cái, cái gì cũng không chen cạnh nổi với người Tàu. Dân khốn của nghèo, tuy có nhiều nguyên nhân (2), mà cái tội người mình không biết trọng nghề cũng là một nguyên nhân lớn làm cho nghề nghiệp mình đến phải hăm vào trong vòng liệt bại (3) vậy.

III. — Người Tây thì không thế ; người ta cho rằng nghề gì cũng cần thì nghề gì cũng qui, chỉ sợ nghề không tinh không giỏi, chứ tinh giỏi được thì nghề gì mà chẳng là nghề vinh hiển cao sang ; ai nấy đều tự liệu cái tài lực của mình, cái ý nguyện (4) của mình, chọn lấy một nghề cho thích hợp (5) với mình mà suốt đời theo đuổi với cái nghề mình, càng ngày càng tinh, càng ngày càng tiến. Góp người lại thành nước, góp cả mọi nghề nghiệp trong nước lại thành một cái nền hưng vượng chung cho cả nước ; không kể những người theo về nghề chính-trị thì cốt làm cho nước nhà được mạnh thịnh, nhân dân được yên vui, những người theo về nghề giáo-dục thì cốt làm cho dân-trí được mở mang, nhân tài được tấn tới ; mà những người theo về nghề học vấn thì cố lo làm sao học lý một ngày một xương - minh (6), quốc hồn một ngày một tỉnh táo, những người theo về nghề cách trị thì cố lo làm sao một ngày một thêm những thứ kỹ xảo mới, một ngày một thêm những sự phát minh (7) hay ; cho đến người

1) Rất cổ, có đã từ lâu lắm.

2) Cái có nguyên bởi thế, nhân vì thế mà sinh ra.

3) Kém thua.

4) Ý muốn.

5) Vừa hợp

6) Lớn lao, sáng tỏ

7) tìm ra được, bày tỏ được cái gì mới lạ về khoa - học.

chuyên về nghề làm ruộng cổ cải lương tiến chủng (1) cho nông sản (2) trong nước mỗi ngày mỗi thêm phong - doanh (3), người chuyên về nghề làm thợ cổ ganh khéo thi tài cho khí dụng (4) trong nước mỗi ngày mỗi thêm tiện lợi, người chuyên về nghề thương mại cổ mở rộng thị - trường (5), tiêu thụ - hóa-phẩm (6) cho lợi quyền trong nước mỗi ngày mỗi thêm khoáng trượng (7); người nào làm nghề gì cũng thành được một cái nghề có ích cho thân mình, cho nhà mình, cho xã-hội mình mà trở nên người vinh hiển cao sang hết. Người ta có cần gì phải xuất ra tiền trăm tiền ngàn, luồn hết cửa này cửa nọ, cầu lấy chút kim - khánh mề-day, phẩm trên hàm dưới, mượn cái vinh hiển cao sang đó mới thêm được giá trị cho mình, mà đến có khi nhãng cả công việc, bỏ cả làm ăn, thành ra cái vinh hiển cao sang đích đáng của mình là cái nghề mình lại vì thế mà truy lạc (8) mất cũng có.



IV — Ta cũng nên ngẫm - nghĩ cái lời trào-phúng của nhà văn-sĩ Pháp đó mà tỉnh bớt cái mê mộng (9) cầu quan. Nên biết rằng làm quan vẫn là quý, nhưng quý ở cái sự nghiệp phúc dân lợi nước của người làm quan; ngoài nghề làm quan, không luận làm nghề gì mà nếu cũng có thể làm nên cái sự nghiệp có ích

1) thay đổi cho tốt hơn lên, làm cách cho các giống hoa màu giống xấu thành ra giống tốt, giống tốt vừa thành ra giống tốt lắm.

2) Những sản-vật bởi nghề làm ruộng sinh ra.

3) thu hoạch được nhiều lắm.

4) Đồ dùng

5) Nơi chợ bán hàng mua hàng.

6) Bán chạy đồ hàng.

7) Rộng lớn.

8) Sa sút lụn bại

9) Giấc chiêm bao mê.

cho đời thì cái phẩm giá cũng không phải là hèn, cái danh-dự cũng không phải là nhỏ. Cách ngôn (1) Tây có câu : *Chỉ có người xấu chứ không có nghề gì là nghề xấu*. Ta chớ coi nghề gì là nghề xấu mà ta chỉ cố sao cho khỏi là người xấu thì hơn.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

= + =

Bài này là thuộc về thể văn luận thuyết, cốt nói cái tệ người nước mình chỉ chuộng hư vinh, không chăm thực-nghiệp, mà khuyên nên bỏ bớt cái tệ ấy đi.

Đoạn I mượn cái câu của người ta nói sẵn mà vào bài ngay, kể cái thói quen ở xã-hội mình chỉ cho cái nghề làm quan là nghề quý trọng hơn hết, còn nghề gì cũng là đê mạt cả ; ai cực chẳng đã không còn cái hi-vọng gì làm quan được mới phải xoay ra nghề nọ nghiệp kia ; chính những người làm nghề cũng tự cho cái nghề mình làm là hèn hạ. miễn cưỡng mà làm cho lấy sống qua ngày mà thôi, tinh khéo cũng chẳng làm gì ; mà trong xã-hội đối với những người làm nghề, dù có tinh có khéo cũng chẳng quý trọng gì hết.

Đại ý đoạn I như vậy. Dùng những tiếng « ăn cơm vua, hưởng lộc nước, vinh thân phì gia, phong thê ấm tử, nở nang được mây mặt, quang hiển được ông cha » là những tiếng người nước mình thường nói về ông quan một cách rất là vẻ vang sang trọng, và dùng những tiếng « thầy đồ, anh lái, chú phó, trai cày » là những tiếng người nước mình thường nói có ý khinh rẻ các nghề nghiệp khác. Đọc những câu tả ra đây, thấy rõ cái tập-quán trong xã-hội mình chỉ lấy làm quan làm quý trọng hơn hết mà bao nhiêu nghề nghiệp khác đều chẳng coi ra gì.

X

1) Lời nói truyền tụng, ai cũng chịu là phải, là chi lý.

Đoạn II nói vì cái tập-quán sai lầm ấy mà người nước mình những người làm nghề nghiệp ít ai mến thiết nghề mình, nên mọi nghề nghiệp trong nước đều thua kém nước người ta cả.

Đại-ý đoạn II như vậy. Kể ra một nghề nông là nghề tối cổ của nước mình mà hiện thời cũng thua Xiêm - La Diến - Độn, lại kể ra mấy cái nghề đồ dệt, đồ thêu, đồ đồng, đồ sứ là những nghề vốn thuở nay nước mình vẫn có cũng vẫn kém của Tàu, chứ không kể đến những nghề mới của người Tây chưa theo kịp được đã đành, đề này ra cái ý là nghề gì mình cũng thua kém người ta cả.

X

Đoạn III kể cái tập-quán tốt của người Tây để phản chiếu với cái tập-quán sai lầm của nước mình. Trước tả cái tâm lý người ta nghĩ khác với cái tâm lý của mình; rồi nói người ta ai làm nghề gì cũng tự cho cái nghề của mình là quý trọng, mà người nào người nấy đều cố công cùng sức làm nghề mình cho thêm giỏi thêm tinh, khác với những người làm nghề của mình tự coi nghề mình là hèn mạt, chẳng thiết gì làm lấy tinh lấy giỏi cả.

Đại ý đoạn III như vậy. Những câu « người ta cho rằng nghề gì cũng... » đề này ra cái ý là người ta không như mình chỉ lấy làm quan làm quý trọng hơn hết mà thôi. Chỗ tả người ta làm nghề gì cũng tinh cũng giỏi dùng những chữ « không kể » chữ « mà », chữ « cho đến », đề này ra cái ý là người ta không những làm mấy cái nghề chính-trị, giáo-dục, học vấn là những nghề thường tinh lấy làm cao sang, người ta mới quý mà cố làm cho tinh cho giỏi, dù đến mấy cái nghề làm ruộng, làm thợ, đi buôn là những thường tinh lấy làm khinh rẻ người ta cũng quý mà cố làm cho giỏi cho tinh. Vả tả như thế khiến cho cái thể văn nó thâm si

thác lạc, không xuôi quá. Cuối đoạn nói : « người ta có cần gì phải xuất ra » mấy câu ấy là để chiếu ứng với đoạn trên nói về cái tập quán của người nước mình.

X

Đoạn kết khuyên người nước mình nên sửa cái tập quán sai lầm đó ; nên biết nghề gì làm được có ích cho nước cho đời cũng là quý, làm quan mà quý cũng chỉ quý vì thế, vậy làm nghề gì mà được thế cũng quý cả, cốt đừng có cho nghề gì là nghề không quý mà cố làm nên con người đáng quý mới được.

Đại ý đoạn kết như vậy. Câu « Ta cũng nên ngẫm - nghĩ » để chiếu ứng với đoạn mở đầu. Dưới đóng lại bằng một câu cách - ngôn cổ để cho lý luận càng thêm vững.

BẢN-CHÍ

KHẢ SU

Bản-chí muốn mỗi kỳ in ảnh một bậc tiền-bối đã có công trong việc trứ-thuật hoặc văn-học nước ta để kỷ-niệm những bậc ấy.

Vậy trong các bạn đọc báo, ngài nào có giữ được hoặc tìm thấy bức ảnh hoặc bức truyền-thần của một thi-sĩ văn-gia nào đã mất, xin gửi đến cho bản - chí cước phí về việc gửi, bảnchí xin chịu. Bản-chí cam-đoan xin giữ-gìn cẩn-thận và sau khi làm cliché để in, sẽ gửi trả tử-lẽ. Trong cliché sẽ ghi tên ngài nào đã gửi ảnh đến cho mượn và xin gửi báo tặng.

MỘT CÁI CỠ SAI LẦM

TRONG CÁC BẢN VĂN NÔM CŨ CỦA TA

Nay ta tra cứu các bản thơ-văn nôm cũ của các cụ còn truyền lại, thấy nhiều chỗ khác nhau và nhiều chỗ sai lầm. Những cớ sui nên sự sai lầm ấy thật là nhiều. Nhưng một cớ chính cũng do sự chép lại các bản chữ nôm sang chữ quốc-ngữ.

Nhân tôi tra xét lại mấy bản văn nôm cũ, tìm thấy vài chỗ sai lầm do sự chép lại ấy, tưởng nên kể rõ ra đây để các nhà có bụng nghiên-cứu thơ-văn cũ của ta cũng nên lưu ý đến, cho tránh khỏi sự sai-lầm ấy.

1. CHINH PHỤ NGÂM, câu thứ 139 :

Các bản in quốc-ngữ (Bản XUÂN-LAN, in lần thứ nhì, trang 13 ; bản TÂN-DÂN THU-QUÁN trang 34) in là :

Ngập ngừng gió thổi chiến bào.

Câu ấy là thuộc về đoạn người Chinh-phụ nhớ lời hẹn của chồng, ra chỗ cầu sông đợi chồng về ; đợi mãi không thấy chồng về, chỉ thấy gió thổi vào cái áo bào mình mặc thôi, nếu chép là « chiến bào » là cái áo mặc khi đánh trận thì không có nghĩa gì. Sau tra lại bản nôm thì chữ ấy in là 袂. Lúc chép sang chữ quốc-ngữ, ý hẳn người chép luận rằng : chữ ấy một bên chữ 不 một bên chữ 天 (thiên) chỉ âm, nên đọc là chiến. Nhưng xét kỹ thì chữ « chiến » ở đây không có nghĩa ; vả chăng nếu thật là chữ chiến, thì bản nôm đã viết chữ 戰. Nguyên chữ ấy là chữ 袂 một bên chữ 不 (y) nghĩa là áo, một bên chữ 天 chỉ âm yếu thời phải đọc là áo, mà cả câu ấy chép là ;

*Ngập ngừng gió thổi áo bào,
mới đúng nghĩa với đoạn văn ấy.*

Thế là chỉ vì khi khắc bản nôm, khắc nhầm nét « phẩy » ra nét « ngang », hoặc khi chép sang chữ quốc ngữ, người chép trông sai mà thành ra sai cả câu văn.

2. CHINH PHỤ NGÂM, câu 269.

Các bản in quốc-ngữ (XUÂN - LAN trang 22; TÂN - DÂN THU-QUÁN trang 59; VINH-HUNG-LONG THU-QUÁN, trang 114) chép là :

Vui có một tấm lòng chẳng dứt,
Muốn hiểu câu ấy sai đúng thế nào, phải trích lục cả đoạn ra đây :

*Tim chàng thuở Dương - dài lối cũ,
Gặp chàng nơi Tương-phố bến xưa.
Sum vầy mấy lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân.
Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
Thời gần chàng bến lữ thành quan.
Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.
Vui có một tấm lòng chẳng dứt,
Vốn theo chàng giờ khắc nào người.
Lòng theo nhưng chưa thấy người,
Lên cao mấy lúc trông với bánh xe.*

Đoạn văn này ý nói người chinh - phụ vì nhớ chồng mà sinh ra mơ màng thấy mình gặp chồng trong giấc mộng, nhưng thực ra thì hai người vẫn xa-cách nhau. Vậy câu ấy nếu chép là « Vui có một .. » thì không có nghĩa. Tra lại bản nôm thì chữ ấy viết là 盍 đọc là *bôi*; người chép vội luận ngay chữ ấy là *vui*. Nhưng xét các bản nôm thì chữ *vui* đều viết là 恹, một bên là 忄 thay cho chữ 心 (tâm) nói về lòng, về tình-tính, một bên là 𠂔 chỉ âm 盍. (Xem câu chữ nôm trong bản XUÂN-LAN, trang 31 :

Câu *vui* đối với câu *sầu*).

Vả chẳng, nguyên-văn chữ nho câu ấy là :

Duy hữu thốn tâm chân bất đoạn.

惟有寸心真不断

nghĩa là : *bui có tấc lòng thật không đứt.*

thì biết chữ ấy không phải là chữ « vui » mà chính là chữ « bui » là một chữ cũ của ta các cụ thường dùng để dịch chữ « duy » bên chữ nho : « bui có » cũng nghĩa như « chỉ có ». Vì chữ « bui » nay ít dùng, nên người chép luận lầm là chữ « vui », thành ra vô nghĩa.

Xem hai sự sai lầm kể trên này thì việc chép các thơ văn cổ bằng chữ nôm ra chữ quốc-ngữ cần phải cẩn-thận lắm. Chỗ nào nghi ngờ, ta cần phải tra-cứu cho kỹ, nghĩ ngợi cho chín, rồi hãy hạ bút chép thì mới khỏi sai cả nguyên - văn mà đặc tội với cổ-nhân vậy.

HẢI-LẠNG



VĂN THƠ

VĂN THƠ CỔ

Thảo-trang thi-tập (Tiếp theo)

BA CÂU HẨM CHUỐC RƯỢU MỪNG CỤ QUẬN HOÀNG-THÁI-XUYÊN ẮN THƯỢNG THỌ

Sơ HIỂN (tuần rượu thứ nhất)

Một mừng chín chục non Hồng,
Sông Lam muôn trượng anh chung (1) một nhà ;
Bảy mươi tuổi hạc chưa già,
Chỉ vì ưu ái hóa ra bạc đầu ;
Phúc trạch còn lâu.

A HIỂN (tuần rượu thứ hai)

Hai mừng gặp hội vân lô (2),
Đan thư thiết khoán (3) muôn đời kỷ công ;
Thánh thời giảng Nhị mây Nùng,
Cúc tùng vườn cũ vui cùng nước non ;
Hoàng Thái vĩnh tồn (4).

TRUNG HIỂN (tuần rượu thứ ba là tuần cuối cùng)

Ba mừng đôi trấn đại cân,
Sân Lai rạng vẻ rượu xuân càng nồng ;
Ngựa trông trên đỉnh non Bồng,
Tiên đầu mà lạc xuống vòng trần gian.
Thọ tử Nam - sơn (5).

TIÊN - ĐÀM sao lục

1) Khí anh linh của núi sông đúc lại ; chung là đúc.

2) Hội mây sấm, ý nói đời loạn, là cái cơ hội lập công danh.

3) Thư son khoán sắt, các quan đại thần được vua phong tước cho có thư khoán ấy.

4) Còn mãi như sông Hoàng-hà núi Thái sơn. Đây mượn đề chỉ cụ Hoàng-thái-Xuyên.

5) Thọ ví như núi Nam-Sơn cứ đứng trơ trơ mãi

CÂU ĐỐI KHỐC VỢ

Có người nhà quê vợ mới cưới mà chết, đến xin Cụ Bổng (1) một câu đối. Cụ liền làm cho câu nôm sau này, dùng hai câu ca - dao (2) thường thông-dụng ở vùng ấy mà ghép thành :

Xênh xang như áo mới may, như chuông mới đúc, như cày mới ...

Đi mô (3) bỏ chiếu ai nằm, bỏ khăn ai bịt, bỏ tắm ai ! ...

Phó - Xuyên HÀ-XUÂN-TẾ sao lục

1) Tiểu sử cụ Bổng - huý - Trứ — Cụ sinh vào triều Tự-Đức, người làng Bát-Vọng (Huế) nhưng ngụ ở làng Thanh-lương (Huế). Lúc nhỏ đã nổi tiếng hay chữ, và tánh khí ngang tàng. Lên 25 tuổi cụ thi hương đậu Cử-nhân, thi hội đậu tẩn sĩ ; đến khi vào thi Đình, nhân trời nóng nực lắm, cụ bèn cỡi khăn ra mà làm bài, bị cách không còn gì, lại bị cấm « chung thân bất đắc ứng thí » ; ấy cũng vì cái tánh khí ngang tàng của Cụ — Cụ đành phải đi giầy học nơi nhà một ông Đại-thần trong Triều. Sau nhờ ông này tâu vua xin cho cụ đi thi lại. Cụ lại đậu Cử-nhân và đậu Hội-nguyên. Ấy là cụ đậu hai lần cử - nhân và hai lần tẩn-sĩ ; Sau cụ được làm quan, và phái đi sứ Tàu, sứ Cao-Ly, sứ Nhật-Bản, sứ Xiêm, đi khắp các miền xung quanh Đông - Dương. Khi cụ về thì được bổ Bổng - chính. Trong mấy lúc cụ đi xứ này xứ nọ, cụ lại học được thêm bao nhiêu điều, cho nên ý tưởng rất rộng, và văn chương cụ rất lỗi-lạc thâm trầm. Cụ có tập thi chữ Hán nhan đề là Hoàng trung thi thảo (Hoàng trung là tên hiệu của cụ) ; tập ấy ấn hành bên Tàu ; và trong có nhiều bài thơ rất hùng hồn, cũng có nhiều bài rất tao nhã.

2) Ở vùng ấy có hai câu ca dao như vậy : Xênh xang như áo mới may, như chuông mới đúc, như cày mới dẫu. Đi mô bỏ chiếu ai nằm, bỏ khăn ai bịt, bỏ tắm ai nuôi. Cụ Bổng bỏ mỗi câu một chữ rồi ghép thành câu đối. Thật là đủ ý tứ mà lại hay không biết bao. Vì mất hai chữ cuối câu nên khi đọc lên, nghe có ý chưa hết, và có ý thương tiếc vô cùng. thật là đúng với nghĩa vợ mới cưới mà chết : nhân duyên lỡ bước, ái tình gần ngơ. Và lại hai câu ấy là do ở chốn thôn quê, nên những chữ như cày, khăn, tắm, v. v. đều chỉ rõ là vợ chồng ở nhà quê.

Câu đầu có ý nói vợ mới cưới, đương xênh xang đầm thắm. Câu sau nói sao vội dứt tình mà bỏ đi. 3) Mô là dẫu.

THƠ VĂN KIM

**Cung-kỹ đức vua Bảo-Đại du học bên
Pháp mười năm trở về nước nhà
cầm quyền chính-trị**

Đức Hoàng-thượng ngự về năm thứ bảy,
Quốc dân ta mừng thấy văn-minh.

Kể từ du-học Pháp-kinh (1),

Mười năm đàn-tứ nghiên-tinh (2) đã nhiều.

Bậc thông-tuệ tài cao trí cả,

Sự học hành tiến hóa rất mau.

Lại thêm sức mạnh tuổi giàu,

Trị dân, trị nước càng lâu càng giải.

Theo âm-lịch mừng mười tháng bảy (3),

Đức quân-vương ngày ấy xuống tàu.

Trước khi từ biệt Âu-châu,

Pháp đình (4) mở tiệc trước sau mấy lần.

Chứa chan là bức diên-văn,

Của quan Thuộc-địa đại-thần Xa-rô (Sarraut).

Đường ơn nghĩa xưa sau kể hết,

Mối cảm tình ly biệt biệt ly.

Cho hay lời lẽ cũng kỳ,

Cửu-trùng (5) nghe cũng nể vì tuôn châu.

Chiều 3 giờ rưỡi, tàu ghé sẵn,

Xe Hoàng-vương vừa tấp bến sông,

Tiễn đưa trong cuộc cuối cùng.

Quân hầu nhạc rước, cờ rong, súng mừng.

1) *Pháp-kinh* : Kinh-đô nước Pháp tức là Paris.

2) *Đàn tứ, nghiên tinh* : để hết ý tứ vào sự nghiên cứu cho được tinh tường.

3) *Hiệu đức Vua ta theo âm-lịch, mồng mười tháng bảy* tức là 11-8-32.

4) *Pháp-đình* : Triều đình nước Đại-Pháp.

5) *Cửu trùng* : chín lần, thường dùng để chổ đức Vua (tức vua ở nơi thâm cung, phải đi qua nhiều nhà mới đến).

CÂU ĐỐI KHÓC VỢ

Có người nhà quê vợ mới cưới mà chết, đến xin Cụ Bổng (1) một câu đối. Cụ liền làm cho câu nôm sau này, dùng hai câu ca - dao (2) thường thông-dụng ở vùng ấy mà ghép thành :

Xênh xang như áo mới may, như chuông mới đúc, như cây mới ...

Đi mô (3) bỏ chiếu ai nằm, bỏ khăn ai bịt, bỏ tắm ai ! ...

Phó - Xuyên HÀ-XUÂN-TẾ sao lục

1) Tiểu sử cụ Bổng - huy-Trứ — Cụ sinh vào triều Tự-Đức, người làng Bát-Vọng (Huế) nhưng ngụ ở làng Thanh-lương (Huế). Lúc nhỏ đã nổi tiếng hay chữ, và tánh khí ngang tàng. Lên 25 tuổi cụ thi hương đậu Cử-nhân, thi hội đậu tấn sĩ; đến khi vào thi Đình, nhân trời nóng nực lắm, cụ bèn cời khăn ra mà làm bài, bị cách không còn gì, lại bị cấm « chung thân bất đắc ứng thí »; ấy cũng vì cái tánh khí ngang tàng của Cụ — Cụ đành phải đi giầy học nơi nhà một ông Đại-thần trong Triều. Sau nhờ ông này tâu vua xin cho cụ đi thi lại. Cụ lại đậu Cử-nhân và đậu Hội-nguyên. Ấy là cụ đậu hai lần cử - nhân và hai lần tấn-sĩ; Sau cụ được làm quan, và phái đi sứ Tàu, sứ Cao-Ly, sứ Nhật-Bản, sứ Xiêm, đi khắp các miền xung quanh Đông - Dưng. Khi cụ về thì được bổ Bổng - chính. Trong mấy lúc cụ đi xứ này xứ nọ, cụ lại học được thêm bao nhiêu điều, cho nên ý tưởng rất rộng, và văn chương cụ rất lỗi-lạc thâm trầm. Cụ có tập thi chữ Hán nhan đề là Hoàng trung thi thảo (Hoàng trung là tên hiệu của cụ); tập ấy ấn hành bên Tàu; và trong có nhiều bài thơ rất hùng hồn, cũng có nhiều bài rất tao nhã.

2) Ở vùng ấy có hai câu ca dao như vậy: *Xênh xang như áo mới may, như chuông mới đúc, như cây mới dẫu. Đi mô bỏ chiếu ai nằm, bỏ khăn ai bịt, bỏ tắm ai nuôi.* Cụ Bổng bỏ mỗi câu một chữ rồi ghép thành câu đối. Thật là đủ ý tứ mà lại hay không biết bao. Vì mất hai chữ cuối câu nên khi đọc lên, nghe có ý chưa hết, và có ý thương tiếc vô cùng. thật là đúng với nghĩa vợ mới cưới mà chết: nhân duyên lỡ bước, ái tình ngằn ngang. Và lại hai câu ấy là do ở chốn thôn quê, nên những chữ như cây, khăn, tắm, v. v. đều chỉ rõ là vợ chồng ở nhà quê.

Câu đầu có ý nói vợ mới cưới, đương xênh xang đầm thắm. Câu sau nói sao vội dứt tình mà bỏ đi. 3) Mô là dẫu.

THƠ VĂN KIM

**Cung-kỹ đức vua Bảo-Đại du học bên
Pháp mười năm trở về nước nhà
cầm quyền chính-trị**

Đức Hoàng-thượng ngự về năm thứ bảy,
Quốc dân ta mừng thấy văn-minh.

Kể từ du-học Pháp-kinh (1),
Mười năm đàn-tứ nghiên-tinh (2) đã nhiều.
Bậc thông-tuệ tài cao trí cả,
Sự học hành tiến hóa rất mau.

Lại thêm sức mạnh tuổi giàu,
Trị dân, trị nước càng lâu càng giải.
Theo âm-lịch mừng mười tháng bảy (3),
Đức quân-vương ngày ấy xuống tàu.

Trước khi từ biệt Âu-châu,
Pháp đình (4) mở tiệc trước sau mấy lần.
Chứa chan là bức diên-văn,
Của quan Thuộc-địa đại-thần Xa-rô (Sarraut).
Đường ơn nghĩa xưa sau kể hết,
Mối cảm tình ly biệt ly.

Cho hay lời lẽ cũng kỳ,
Cửu-trùng (5) nghe cũng nể vì tuôn châu.
Chiều 3 giờ rưỡi, tàu ghé sẵn,
Xe Hoàng-vương vừa tấn bến sông,
Tiễn đưa trong cuộc cuối cùng,
Quân hầu nhạc rước, cờ rong, sủng mừng.

1) *Pháp-kinh* : Kinh-đô nước Pháp tức là Paris.

2) *Đàn tứ, nghiên tinh* : đề hết ý tứ vào sự nghiên cứu cho được tinh tường.

3) *Hiệu đức Vua ta theo âm-lịch, mồng mười tháng bảy tức là 11-8-32.*

4) *Pháp-đình* : Triều đình nước Đại-Pháp.

5) *Cửu trùng* : chín lần, thường dùng để chổ đức Vua (tức vua ở nơi thâm cung, phải đi qua nhiều nhà mới đến).

Pháp-định đủ quan văn quan võ,
 Các nghị-viên đều có đưa chân.
 Ngoài ra những bậc cố-nhân (1),
 Đồng-thanh cùng chúc; « thiếu quân thọ tuyền,
 Về nước cũ cầm quyền chính-trị,
 Che muôn dân nhờ cây phúc đầy ».

Buổi này là buổi chia tay,
 Biết bao tình cảm khi xoay mũi tàu !
 Quan Hộ-giá đứng đầu là ông Sạc (Charles),
 Vị Hoàng-thân cùng các nam-quan.
 Thủy-trình (2) đôi chữ bình-an,
 Bề Âu vượt khỏi, cửa Hàn (3) tới nơi,
 Đất Nam-Việt bóng trời lâu vắng,
 Được tin mừng hơn nắng mùa đông.
 Trong ngoài một tấm lòng chung,
 Cỏ cây đón rước, non sông đợi chờ.
 Ngày mừng tám, 8 giờ buổi sáng (4),
 Năm Nhâm-thân mà tháng trọng-thu (5).
 Thần dân đợi mấy giờ lâu,
 Xa xa trông thấy chiếc tàu ngoài khơi.
 Tàu thủng thẳng tới nơi Đà-nẵng,
 Đứng trông ra một đấng Quốc-vương.
 Trang nghiêm áo ngự khăn vàng,
 Ung dung cất bước lên đường cầu noi (6).
 Súng đại-bác mừng vui cất tiếng,
 Khắp thần-dân muôn miệng tung-hô (7) :

1) *Cố nhân* : người quen, kẻ quen biết.

2) *Thủy trình* : đường thủy, đường bể, đường sông.

3) *Hàn* : Đà nẵng (Tourane).

4 và 5 ngày mừng tám trọng thu (tháng tám) năm Nhâm thân tức là ngày 8-9-32.

6) *Cầu noi* : cầu tàu. Ca dao : thuyền đà đến bến anh ơi ! Sao anh chẳng bắc cầu noi lên bờ ?

7) *Tung hô* : kêu ở núi cao. Ngày xưa vua Vũ Đế nhà Hán đi chơi ở núi cao, quân lính nghe trong núi có tiếng kêu : vạn tuế ! vạn tuế ! vạn tuế ! cho nên chúc vua thì gọi là tung hô.

Mừng nay được thấy đức vua,
 Mười năm du học Âu-châu đã về.
 Cuộc nghênh-giá uy-nghi tề-chỉnh,
 Quán Pháp Nam cung kính chúc mừng,
 Hoàng-vương tỏ ý ân cần,
 Phán rằng: « sẽ giúp cho dân nước nhà.
 Nên chú ý nhất là kẻ khó,
 Quanh năm làm cò cộ ruộng nương ».

Lớn thay, nhờ nói ngọc vàng!
 Nhân thay, lượng cả, xét thương kẻ hèn.
 Quan Đốc-ly rước lên lầu gác,
 Ngự-thiện rồi nghỉ dắc buổi trưa (1).
 Kém mười phút tới hai giờ,
 Chiếc xe đặc biệt tiến chờ trước dinh.
 Trong xe đã linh đình bài trí,
 Đoàn xe này cả thấy bảy ô.
 Hai ô trước để chở đồ,
 Mấy ô sau để rước hầu đức vua.
 Trong ấy có một ô tuyệt mỹ,
 Ấy là nơi Hoàng-đế ngự riêng.
 Trên xe cờ cắm liên liền,
 Cờ ba sắc lại cắm chen cờ vàng.
 Hai giờ đúng. Hoàng-vương lâm giá,
 Từ Hàn đi xe hỏa về kinh.
 Tới đâu thần thứ tranh nghinh,
 Tiếng mừng rây đất bóng tinh rợp đường.
 Xa xa núi Ngự sông Hương,
 Xe càng tẩn bánh trôi càng gần ghê.
 Từ khi ngự-giá mới về,
 Phú-xuân đất cũ có bề thêm xuân (1).
 Chẳng kỳ quan chẳng kỳ dân,
 Chẳng kỳ cự chẳng kỳ tân một lòng.
 Nào mong được thấy mặt rồng,
 Nào mong được tỏ tấm lòng cỏ hoa.

1) Ngự thiện : vua soi còm.

2) Phú xuân : tên làng mà kinh thành đóng ở đấy.

Tự kinh - thành tới nhà ga,
Nào là hương án, nào là thề-môn.
Mong mỗi bức chí tôn chóng tới,
Cho ngọn cờ phất phới mừng theo.
Quả trưa, mới một giờ chiều,
Đường bên ga đã có nhiều người đi.
Trước ga người đứng đặc rì,
Người trung-kỳ lẫn Bắc-kỳ cùng Nam.
Phòng nhà ga mượn làm phòng khách,
Kết lá cây một cách tiên minh (1).
Cờ vàng dắt lẫn lá xanh,
Trướng điều, màn đỏ, ghế bành, án sơn.
Thoạt mới 4 giờ hơn một khắc,
Mấy đạo quân lên chực sẵn sàng.
Sắp thành ngũ, đứng thành hàng,
Mang kèn vác súng trông càng thêm oai.
Lính cảnh-sát phía ngoài đã giếp,
Người muốn xem đứng nép hai bên.
Pháp Nam quan chức cùng lên,
Mấy nhà báo với nghị viên mấy người.
Sửa sang lễ phục hẵn hoi,
Vừa 5 giờ dùng nghe còi xe ra.
Súng mừng nổ tiếng vang xa,
Thần - dân cùng sắp trước ga chào mừng.
Hiệu kèn thổi tưng bừng rộn rịp,
Khúc nhạc ca lựa nhịp cất lên.
Ngửa trông thấy đấng bề trên,
Muôn nghìn lòng thỏa muôn nghìn tiếng reo.
Đấng thiên - tử ra chiều vị nể,
Xuống xe rồi nhận lễ tiếp nghinh.
Tôn nghiêm tỏ chút thâm tình,
Né mình chào ngọn cờ binh nước nhà.
Xe điện (2) xếp sân ga chật ních,
Đức Hoàng-vương ngự chiếc xe đầu.

1) Tiên minh : tươi tốt và sáng sủa. — 2) Đây là xe ô tô.

Mười tên kỵ mã trước sau,
 Mười lăm xe điện theo hầu vào kinh.
 Sông Hương vẫn trong xanh như nước,
 Núi Ngự - bình vẫn được tốt tươi.
 Các phường phố vẫn đông người,
 Cung lâu thành-quách vẫn mười năm xưa.
 Trải bao tháng đợi năm chờ.
 Chính trung long đức bây giờ thấy đây.
 Tú - Tài NGUYỄN - HUY - CỬ (Thanh Hóa).

* * *

Bài trưởng cháu ngoại viếng bà

Than ôi ! gió bắc hiu hiu, tuyết đông phơi phơi. Sao
 Vụ (1) mây che mờ ám ; cuộc trần ai ngán nổi tử sinh,
 thềm vông (2) lệ đủ đầm đìa, tình máu mủ kể gì nội
 ngoại !

Nhớ bà xưa :

Vốn giọng khuê các, đứng mực trâm thoa ; giúp ngoại
 tổ (3) lập được thân danh, dạm liễu (4) in dấu xe vô
 ngựa. Khuyên lệnh cữu (5) làm nên chức pban, gốc
 phần (6) còn mừng nụ cười hoa.

Ông phút chốc xa khơi, khuất núi.

Bà một tay cần kiệm, thành gia.

Sóng cả chẳng ngả tay cầm chèo, đã từng năm chìm,
 bầy nổi, chín lênh đênh, đường canh cử chẳng nề
 công khó nhọc.

1) Ví với người đàn bà già.

2) Chỗ hàng cháu đứng.

3) Ông ngoại.

4) Phần đất thuộc về người chánh tổng cai quản. Câu này
 ý nói ông ngoại có làm chánh tổng.

5) Cẩu.

6) Nơi làng mình ở. Câu này ý nói cẩu làm chức việc trong
 làng.

Giồng cây mong có ngày ăn quả, nhờ được nhất duyên, nhì phận. tam phong thổ, cửa anh hào thêm rang vẻ vinh hoa.

Yên vui là thuốc tràng sinh, thêm chi ngọc nămlại năm hoa nở (1).

Thọ - khảo là tiên hạ giới, gương tuyết ty tám mươi sáu tuổi già (2).

Lòng những mong, thọ chín mươi mươi, dưới sân trúc (3) chước mừng xuân tửu (4).

Tin đâu bỗng mồng hai tháng một, ngoài non bỗng khuất bóng tiên xa ! (5)

Than ôi ! bãi bể nương dâu ; cửa sổ bóng câu (6) : lạnh lẽo canh thâu ; đầm đầm giọt châu ! Lệnh cửu thêm nặng gánh giang sơn, tháng ba, lại tháng một ngày nay, chữ hiếu chữ tình bối rối (7). Cháu chắt cả hai bên nội ngoại, ba đời lại bốn đời đông mặt (8) tiếng cười, tiếng khóc chen nhau.

Cha mẹ cháu hơn mười năm trước, khi Thái-Ninh, khi Kiến-Xương, khi Tiên-Hưng, Tiên-Hải, khi Phụ-Dực, Duyên-Hà, bận việc quan như cửi mắc chân, thăm viếng dễ mấy khi gần gũi.

Anh em cháu ở các nơi xa, người trường tây, người Cao học, người Trung-học giáo-sư, người thông - ngôn

1) Cỏ chi, cây ngọc, ví với con cháu hay.

2) Tóc xanh như tơ hóa bạc như tuyết. Gương tuyết ty chỉ cảnh già.

3) Nhà đông cháu ví như tre mọc thành bụi, nên người ta nói sân trúc là chỗ hàng cháu đứng.

4) Rượu xuân, rượu mừng thọ.

5) Non bỗng là nơi Tiên ở. Tiên xa là xe tiên. Câu này ý nói là bà cụ qui tiên.

6) Đời người ta sống thác không thương, như bóng ngựa câu qua cửa sổ vụt một cái đã mất rồi.

7) Câu này nói ông cậu hồi tháng ba vợ chết, nay tháng một mẹ lại chết.

8) Câu này nói bà cụ có đông cháu ba đời lại có cả chắt bốn đời.

điện - tín, mắng tín buồn như dao cắt ruột, khóc than
khôn xiết nỗi âu sầu !

Kia năm gian nhà ngói còn đây, lặng im hơi tiếng !
Nợ một bức ảnh truyền đề lại, thờ phụng xuân thu.
Đàn chuyển luân (1) chư Phật chứng minh, Tây-Trúc
dẫn về chằng lá (2) ?

Hội Chư - lão ba làng đông đủ, chủ nhân nào có thấy
đâu (3) ?

Trăm đường ngao ngán, chín khúc quặn đau ! quốc
ngữ một bài, hòa ai - lệ giọt giải giọt ngẩn.

Linh hồn, chín suối, tỏ chút lòng bên trước bên sau.

PHẠM-SỸ-TRÁC — VŨ-NGỌC-CỪ

1) Phật lên đàn thuyết pháp cứu độ cho người ta, gọi là
chuyển pháp luân, nghĩa là lăn cái bánh xe phép màu.

2) Câu này ý nói hay là Phật đã cứu độ cho bà mà dẫn
về Tây-Trúc.

3) Bà cụ này làm chủ hội chư lão tức là hội các già trong
ba làng đó.



Giới thiệu sách mới

Bản-chí mới tiếp được : 1. quyển “ phép kết cấu bài ” của
ông NGUYỄN-TOÀN soạn. Cuốn sách này chia làm 5 phần : bài,
sáng ý, bố cục, lập từ và dàn bài ; cốt để giúp anh em luyện
tập quốc-văn. Sách dày 44 trang. Giá bán 0\$25.

2. quyển *Histoire de France et d'Annam Cours Supérieur,
Certificat d'études primaires franco indigène* của ba ông BẢO,
ĐĂNG, LÂM soạn.

Sách soạn đúng chương trình nhà nước dày 68 trang giá bán 0\$40
tại hiệu sách Quang Huy Hảidương.

Vậy xin có lời cảm ơn các Ngài gửi tặng và vui lòng giới thiệu
cùng các đọc giả.

NHỮNG TRUYỆN LÝ-THÚ

TRÊN ĐÀN VẤN.

DẬT-SỰ CÔNG NGHỀ TÂN



Ông Nguyễn - đình - Tân, người làng Thượng - cốc, tỉnh Hải-dương. đỗ tiến-sĩ về đời Minh Mệnh. Ông văn hay chữ tốt, tài học có tiếng ở đời bấy giờ. Tính ông ưa khôi hài, hay bày trò chọc ghẹo các quan lớn; nhiều người phải miếng với ông cũng tức, nhưng vẫn phải phục tài của ông.

Một hôm có quan Khâm-sai chảy đi, trống gióng cò mở, tiền hô hậu hét, quân lính kẻ ngàn; đi ngang qua nhà ông. ở dưới ao có bầy vịt của nhà ông thả, một người đội hầu quan, sẵn trong tay đương cầm cây nỏ, bắn một phát tên trúng vào một con vịt, rồi bắt lấy con vịt xách đi. Ông trông thấy, liền chạy ra đường, quì trước võng quan Khâm sai kêu có điều oan ức.

Quan Khâm-sai thấy ông liền chào nói: « ấy quan

Nghè, mời ngài đứng dậy. Còn có đứa nào dám làm gì ngài mà ngài kêu có điều oan ức; xin ngài cứ nói, bản-chức sẽ dùng hết quyền phép mà thân-lý cho ngài ».

Ông nói: « Bẩm dám kêu quan lớn: như kẻ lấy trộm của cải của người ta thì có tội không? »

Quan Khâm-sai nói: « Có tội hẳn chứ ».

Ông nói: « nếu kẻ ấy lại là người có chức - việc thì tội thế nào? »

Quan Khâm-sai nói: « Phải tội nặng hơn là người thường ».

Ông nói: « nếu kẻ ấy là quan hầu đầy tớ của một vị quan thì vị quan đó có cứu gì không? »

Quan Khâm-sai nói: « có cứu, vì không giới chấp (1) được kẻ dưới đề nó làm xằng ».

1) Răn cấm.

Ông nói : « vậy xin kêu quan lớn : vừa đây chính một người đội hầu quan lớn lấy nỏ bắn chết mất một con vịt của nhà tôi rồi lấy đi nữa ».

Quan Khâm sai nghe nói thất kinh. điếng người đi, hỏi ra thì việc có thật, bèn xin lỗi với ông để sẽ nghiêm trị tên đội và hỏi ông giá con vịt đáng mấy đề xin chiếu giá bồi thường lại cho ông.

Ông nói : « Bẩm con vịt của tôi quý lắm ; nó biết nói ; tôi nuôi nó hơn một năm nay, chăm chút săn sóc cho nó hết sức, không kể các thứ khác, nội một món nhân-sâm tôi mua cho nó ăn cũng đã tốn đến 50 lượng vàng rồi ».

Quan Khâm-sai biết ông xỏ nhưng cũng kiêng ông không phải tay vừa, phải lấy ra 50 lượng vàng đưa đền trả ông và hỏi rằng : « vậy thế con vịt của quan Nghè nó biết nói những tiếng gì ? »

Ông nói : « Bẩm nó nói hay lắm ; cả ngày nó nói luôn mồm : cạc, cạc, cạc ».

Lại có khi quan Tổng-Đốc tỉnh Hải-Dương mới đề lý (1) ông muốn thử cho biết quan thượng mới người ra thế nào, nhân một hôm đi chơi-la-bà ngoài phố thấy anh thợ đóng cối xay thóc quầy gánh đồ lệch-thếch nói đi vô trong dinh quan thượng đóng cối hầu bà lớn, ông liền giả bộ như người làm mướn, nói với anh thợ cối xin theo đi làm thợ phụ : anh thợ cối ưng ngay ; ông quầy gánh đi theo, anh thợ cối vô trong dinh quan - thượng ; buổi trưa nghỉ, anh thợ cối lên ra ngoài hàng uống nước, ông lên tuốt ngay trên công - đường, có bộ sập gu quan vẫn ngồi, ông nằm vén quần ngủ khếch trên sập. Linh thấy thế lật-đật chạy vô bẩm với quan, quan ra, linh gọi ông dậy, ông thấy quan liền bẩm : « Tôi học trò nghèo, đi làm phụ với anh phó cối, đóng cối trong này, buổi trưa nghỉ, tôi thấy đây có bộ sập để không, nằm ngủ một tí, thực không hiểu là nơi công - đường quan

1) Tôi nhận chữ.

lớn. » Quan nghe nói là học-trò, lại trông người cũng tuấn tú, nói-năng cứng-cáp, hơi có ý trọng, bèn gọi lính lấy quần áo sạch, bảo đi tắm rửa thay quần áo rồi cho lên ngồi hầu rượu quan. Nhân ở công-đường có treo bức tranh vẽ một con quạ với một trăm con chim sẻ, quan chỉ bức tranh bảo ông đề bốn câu thơ thể nào cho hợp cảnh và ra bức tranh ở nhà quan Tổng-đốc. Ông xin vừa uống rượu vừa đề. Quan gọi dót rượu ông uống. Ông giốc cạn hết chén rượu rồi cầm bút đề vào tranh hai chữ : *nhất chích* (nghĩa là một con chim), lại giốc cạn hết chén rượu nữa rồi lại cầm bút đề vào tranh hai chữ : *nhất chích*, lại giốc cạn hết chén rượu nữa rồi lại cầm bút đề vào tranh ba chữ : *hựu nhất chích* (nghĩa là lại một con chim). Quan thấy ông viết chữ tốt như cắt, phục lắm, gọi lính lấy thêm rượu mời ông uống ; ông uống luôn mấy chén rồi viết : *tam tứ ngũ lục thất bát chích*. Viết xong

gác bút ngồi nói : « Bẩm quan, đủ một trăm một con rồi đó ». Quan bấm tay tính : « nhất chích nhất chích hựu nhất chích, thế là ba con, tam tứ là ba bốn, ba bốn là mười hai con, ngũ lục là năm sáu, năm sáu là ba mươi con, thất bát là bảy tám, bảy tám là năm mươi sáu con, cộng là một trăm một con, phải rồi, giỏi thật ! ông lại cầm bút viết : *Hà o chi thiếu điều chi đa, thực tận nhân gian thiên vạn thạch* (nghĩa là sao quạ ít mà chim nhiều, ăn hết ngàn muôn học lượng ở đời). Ông đề xong ; quan khen : Hay, bay thật ! Quạ to chim nhỏ, quan vi như quạ, dân vi như chim, quan ít mà dân nhiều cũng vi như quạ ít mà chim nhiều. Thiên-vạn thạch lấy ở đền cũ các quan thứ-sử thái - thú (1) ăn lộc thiên thạch hoặc vạn thạch, ám chỉ (2) vào quan tổng - đốc đây. Giọng nói sỏi móc mà tài, ta khen ho giỏi đấy. Đáng tiếc một người tài - tình lỗi lạc như thế mà số phận long-đong ;

1) Thứ-sử Thái-thú là hai chức quan cai trị các quận ngoài.

2) Chỉ ngầm, không nói rõ hẳn đến tên mà nói ý cho biết

chẳng hay thầy đã đi thi
mấy khoa rồi ? »

Ông đứng lên chấp tay
tử-tế nói : « Bầm tôi vốn con
nhà học-trò nghèo, mới đi
thi có một khoa hương đồ
cử-nhân và một khoa hội
đỗ tiến-sĩ ; vua thương là
liêm trực, bấy năm nay,
cho về nghỉ ở nơi cổ lý
(3) thanh-tra các quan lại
Bắc-kỳ ; nhân quan lớn mới
về nhậm chức chúa tỉnh đây,
phận sự chúng tôi là dân
hạt hạ, nên đi theo tên phò

cối vô đóng cái cối hầu quan
bà. » (Lúc ấy ông đã thôi
làm quan về ở nhà, vua
cho ông được dò xét các
quan Bắc - kỳ ai có điều gì
thì mật tâu lên vua).

Quan thượng biết là ông,
sợ hoảng hồn hoảng vía,
xin lỗi ông mãi. Ông cười
ha hả bước ra về, dặn với
lại bảo quan nên thương
dân nghèo, đừng có hà-hiếp,
những nhiều đề cho dân
được nhờ. Quan thượng xin
vâng lời.

T. H.

1) Làng cũ.



HỘP THƯ

Ông Nguyễn-Tâm-Khôi Bình Định. — Tập
Chí số 2, 3 thì khi in lại đã gửi ông
xem, không biết tại sao lại lạc.

Tiếp được quyền Tập-Chí này, xin ông
gửi quyền số 3 của ông ra (ông cứ cuộn
rồi dán 1 xu tem là đủ) chúng tôi nhận
được sẽ gửi bù quyền số 2, 3 in lại
vô lần nữa để ông xem. Đa tạ.

Ông Nguyễn-khắc-Hồng Thái-Bình. — Bản Chí đã tiếp được
tập văn cụ Tam-Nguyên ông đã có lòng tốt gửi lên. Xin có lời
trân trọng cảm ơn ông. Từ kỳ sau, bản-chí sẽ lục đăng đề
cống hiến quốc dân.

Ông Trần Chí Tourane. — Hôm trước bản-chí có viết thư
nhắc ông về số tiền ông còn thiếu lại bản-quán, mà thấy nhà
giấy thép gửi trả lại thư ấy. Vậy ông hiện ở đâu, xin cho biết.

Ông Lê-duy-Lương, báo Tiếng - Dân Huế. — Ngày 18 - 2 - 33
được 5 quyền báo số 12 ông gửi ra trả. Ông có nói rồi
ông sẽ viết thư ra sau. Từ bấy đến nay, chúng tôi vườn
đợi tin ông, vậy xin ông cho biết ngay. Đa tạ.

== DƯ-LUẬN ==

Chữ quốc-ngữ ta cần phải sửa lại cho thành
thứ chữ hoàn toàn tiện lợi

Tiếng nói và chữ viết cũng là một thứ văn minh, tùy trình độ người trong nước tiến được bậc nào, nó tiếp theo bậc ấy mới phải. Thuở xưa ông Cố *Alexandre de Rhodes* tùy trình độ dân ta hồi đó, đặt ra chữ quốc ngữ cũng không ngờ sau này có những sự bất tiện về những dấu đánh phiền phức, làm cho ta đọc lâu viết chậm, lại hay bị sai lầm. Ngày nay dân ta không phải như hồi xưa, chỉ cần chữ để dịch được mấy sách kinh của Cố giảng mà ta cần chữ nhiều để viết báo làm sách. Lẽ tự nhiên là ta phải tùy trình độ tiến hóa của ta, mà lo sửa đổi lại chữ quốc ngữ cho tiện lợi. Tiện cho ta khi đọc lúc viết, và lợi cho ta dùng được đủ các thứ máy đánh chữ và in chữ. Ngày nay ta muốn sửa lại chữ quốc-ngữ không phải là ta dám quên ơn Cố *Alexandre de Rhodes* là người mà chúng ta hiện nay đang sửa soạn lập tượng đồng thờ làm ông thủy tổ đặt ra chữ quốc ngữ. Nếu Cố còn sống đến ngày nay, cố thấy trình độ dân ta đã tiến khác xưa nhiều, thì hẳn cố cũng vui lòng lo sửa lại chữ quốc ngữ cho ta dùng. Bất hạnh cố đã thăng thiên đường, trước khi thấy cái kết quả tốt đẹp của chữ quốc ngữ, thì bôn phận ta là phải lo sửa lại chữ quốc ngữ cho thành thứ chữ hoàn toàn, để sau này cả toàn cầu biết đến; ấy là một cách ta nhớ ơn đời đời một đáng đã giúp ích cho ta. Vậy thì sự sửa đổi chữ quốc ngữ, tưởng không có phe nào nỡ ngăn cản; chỉ còn mong trên thì Chánh-phủ lập một tòa Hàn-Lâm, nghiên cứu kỹ càng những cách sửa đổi chữ quốc ngữ thế nào cho hoàn toàn tiện lợi, rồi công bố cho dân gian, bỏ buộc bắt đầu giấy lối quốc ngữ mới từ lớp đồng ấu, cho đến lớp sơ đẳng, trẻ nào muốn thi lấy bằng cấp sơ đẳng yếu lược, là phải biết đủ lối quốc ngữ mới. Trong

khí các lớp dưới học lối quốc ngữ mới, thì các lớp trên, mỗi tuần lễ có một bài ám tả chữ quốc ngữ mới, thì tự nhiên sau này ai tốt nghiệp ở trường ra, đi làm việc các công sở, cũng biết lối quốc ngữ mới, khi đó trong các công văn nhà nước, sẽ cho dần dần thay viết lối chữ quốc ngữ mới, tưởng còn dễ hơn khi nhà nước muốn thay chữ ta làm chữ tây. Ấy về phần Chánh phủ đề tâm lo lắng cho ta một chút như vậy, còn dưới quốc dân ta cũng nên hô hào nhau tự dùng theo lối quốc ngữ mới mà nhà nước đã công nhận cho. Các thư từ ta nên viết theo lối quốc ngữ mới, các máy đánh chữ cũng đánh theo lối quốc ngữ mới, các nhà in cũng dần dần in sách in báo toàn lối quốc ngữ mới, đã không mất công đánh thêm dấu, dùng thêm chữ có dấu, lại được đẹp con mắt coi, như chữ Tây, chữ Ăng-lê, thật là ít có dấu đánh trên chữ. Lúc ban đầu quốc dân thông dụng lối quốc ngữ mới, kẻ cũng có ngượng ngịu một chút, nhưng tưởng không khó khăn, lâu lai gì vì theo lối quốc ngữ mới chỉ đổi lại mấy cái dấu, còn cũng không khác gì lối quốc ngữ cũ mấy, nếu người coi có ý nhận trong vài ngày là có thể đọc lẹ viết nhanh được; vậy lối quốc ngữ sửa lại có gì là khó, theo dùng đã không khó khăn mà được hưởng sự tiện lợi lâu dài, thì há ta lại không vui lòng theo sao.

Có người bảo : Nếu lối quốc ngữ mới thật có tiện lợi hơn, thì tự nhiên rồi cũng đông người theo, cần gì phải xin Chánh - phủ giúp sức cho, cũng như ngày xưa đàn ông ta, có ai húi tóc mặc áo phục, đàn bà ta có ai để ngôi tóc lệch, mặc áo màu quần trắng, mà sao tự nhiên bây giờ thấy nhan nhản những hạng người ấy. Phải, ta đương thuộc về thời đại bán khai, không cần phải ai hô hào xui dục, cũng ham bắt chước những lối văn minh về vật chất, mà còn nhiều cái văn minh tinh thần thì hô hào mỗi hòng cũng chẳng ai chịu ngó tới.

Dịch Hán - văn

BÀI KÝ NHÀ MỞI QUAN THỨ-SỬ VINH-CHÂU

CỦA ÔNG Liễu Tử-Hậu

Là một nhà văn học có tiếng về đời Đường bên Tàu



Ở giữa chỗ châu thành (1) mà muốn làm ra cho có núi, có hang, có ao thì tất phải xe đá chở sỏi, khơi suối xẻ ngòi, xông pha bao nhiêu, hiểm trở, khó nhọc bao nhiêu sức người mới có thể làm được; nhưng mà cái cảnh giả ấy vẫn không sao bằng được cái cảnh thực của trời đất dựng đặt ra. Nay không phải khó

nhọc gì sức người lắm, nhân cái địa-thể sẵn sàng mà có được cái thiên-thú (2) tự nhiên chẳng là một sự từ xưa đến giờ lấy làm rất khó được dư?

Thành Vinh-châu đây vốn là chân núi Cửu-nghi. Lúc mới lập châu, đắp thành quanh núi; có đá mà cỏ rậm che đi mất, có suối mà đất bùn lấp đi mất, để

-
- 1) Chỗ dinh thự các quan cai trị trong một xứ đóng ở đấy.
2) Cảnh trời bày ra.
-

Tiếp theo cuối trang 219.

Vả lại sự sửa đổi chữ quốc ngữ rất có quan hệ ảnh hưởng đến Chánh-phủ và toàn thể quốc dân, nếu các ông dân biểu không làm điều trần, bày tỏ sự dùng lối quốc ngữ mới có tiện lợi để thỉnh cầu Chánh phủ. giúp sức sửa đổi cho, thì lối quốc-ngữ mới khó mà thông dụng được. Thật vậy, từ trước đến nay, chưa nghe có ông dân biểu nào bày tỏ ý kiến sửa đổi chữ quốc ngữ ở nơi nghị trường, để thỉnh cầu với Chánh-phủ. Nếu ta bàn bạc có lý, thỉnh cầu những sự ích quốc lợi dân, thì Chánh phủ hẹp gì mà chẳng chuẩn cho.

VĂN-TÝ

làm nơi cho rắn trăn nó bàn cừ, chồn chuột nó tung hoành, cây xấu mọc chen với cây tốt, hoa quí nở lẫn với hoa hèn, loạn bầy tạp-nhập, kẻ là một chỗ đất hoang.

Quan Thử-sử vi-công tới đây, nhậm chức được hơn một tháng, chính thanh dân hòa, việc quan rảnh rỗi, trông thấy chỗ đất đó lấy làm lạ, mới sai phát sạch cỏ, móc sạch bùn; cỏ phát từng đụn, bùn móc thành khe, hết cỏ hết bùn, cảnh đẹp bày ra, nước hết đục, cây hết xấu, hoa lá tươi tốt, suối chảy quanh co, đá lạ chồi lên, tua tủa bốn góc, hòn đứng, hòn quì, hòn ngả, hòn nghiêng, hang sâu thăm thẳm, gò cao sừng sực; bèn dựng tòa nhà mới để làm chỗ chơi xem; bao nhiêu cảnh vật đều hợp hình giúp thế, dăng khéo dăng đẹp ở dưới hè; ngoài một giải cao nguyên (1) liền với núi, trên rừng dưới nước, ẩn hiện mập mờ, đồng gần biếc thắm, trời xa xanh ngút, hợp lại cả trong cửa thành.

Nhà làm xong, mời khách vô xem, mở tiệc ăn mừng. Khách có người nói: Thấy cái nhà ông làm mà biết cái chí ông. Ông nhân đất cũ mà được cảnh mới, chẳng là cái chí ông muốn nhân tục cũ mà thành hóa mới dư? Ông bỏ xấu mà lấy tốt, chẳng là cái chí ông muốn bỏ ác mà lấy nhân dư? Ông bỏ đục mà lấy trong, chẳng là cái chí ông muốn bỏ tham mà lấy liêm dư? Ông ở cao mà trông xa, chẳng là cái chí ông muốn bảo từng nhà mà hiền từng người dư? Vậy thì cái nhà ông làm đó há phải chỉ vì cái thích cây cỏ suối đá mà thôi đâu, há phải chỉ vì cái cảnh núi rừng đồng nội mà thôi đâu, sẽ khiến cho những người kế nhiệm (2) sau này trông cái đều nhỏ mà biết cái đều lớn của ông đấy.

Tôn-nguyên này xin ghi mấy lời vô đá, đặt bên vách nhà để làm gương tốt cho các quan châu quận.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

1) Cảnh đồng cao.

2) Người kế chân mình mà nhiệm chức ấy.

BÀN NỮ THÂN DÂN GIẢI

HÀ-XUÂN-TẾ

VIII

- Ngẫm duyên phận (1) ai làm nên nỗi (2) ?*
50.-- *Nghĩ nguồn cơn (3) dở-dối thêm càng (4) !*
Vì đâu nên nỗi dở-dang,
52.-- *Nói càng thêm giận nghĩ càng thêm thương (5)*
Con tạo hóa đa-đoan (6) lắm nhẽ,
54. - *Cái tiện-nghi (7) chẳng sẻ cho cân (8) ;*
Giàu thời trọn vẹn mười phần,
56. - *Khó không cho một vài phân với người !*
Tay Nguyệt-lão (9) trêu người chi mấy.
58. - *Cầm lấy giây (10) giữ mãi thế mà.*
Giàu thời nầy mực đương vừa (11),
60. - *Khó thời đề mãi trơ-trơ sao đành (12) ?*
Chị Hằng (13) lại đành-hanh chi mấy (14) ?
62. - *Quyết đang tay (15) giữ mãi kháng kháng (16).*
Cầm cân chẳng nhắc cho bằng,
64. - *Giàu thời nhắc (17) đến khó hẵng (18) chịu*
trơ (19).



Đoạn thứ VIII (câu 49-64)

NGAO-NGÁN CHO TẠO HÓA ĐA-ĐOAN, NGƯỜI GIÀU THỜI
DUYÊN-PHẬN MỌI ĐỀU MĨ-MÃN, KẺ NGHÈO THÌ ĐÀNH PHẢI CHỊU
TÌNH CẢNH HẸM-HIU.



- (1) *Ngẫm duyên phận* là nghĩ lại tình - duyên số phận.
(2) *Nên nỗi* cũng như nói « đến thế này ». Đây nói
người con gái có sắc có tài như vậy, tưởng cũng gặp

phận tốt duyên may, ai ngờ trời già độc địa, buộc vào cảnh ngộ long đong để trăm năm hờn duyên tủi phận.

(3) *Nguồn cơn* cũng như nỗi niềm gốc ngọn.

(4) *Dở dối thêm càng* : ý nói trăm mối ấy thật là dở dang, sắc tài không kém thua ai, mà đành chịu chán đơn gối chiếc, duyên phận hẩm hiu ; càng nghĩ lại, giọt lệ hồng nhan càng chan chứa.

(5) *Giận* : nói đến nông nỗi dở dang của cảnh ngộ mình thì trong lòng vô cùng oán hận.

Thương : còn nghĩ lại duyên phận đắng cay của mình thì xót xa cho tấm thân bõ liễu.

(6) *Đa đoan* : nhiều mối, thay đổi nhiều cách. Đây nói tạo-hoá dùng lắm mối manh khe khát để xô đẩy ta vào nhiều cảnh ngộ đắng cay.

(7) *Tiện nghi* : là tiện - lợi, vừa phải. Câu này và câu trên ý nói trời già lắm mối, chẳng công bằng mà xan xẻ cho ai cũng đều được sự tiện nghi. Người thì gặp may gặp sướng luôn luôn, kẻ thì lâm than mãi mãi.

(8) *Xẻ cho cân* : chia cho đều nhau.

Câu 55 nghĩa là người giàu-có thì mười đều được thỏa chí cả mười.

Câu 56 : Còn kẻ nghèo thì trời chẳng cho một hai phần nhỏ, để hưởng vui với người !

(9) *Nguyệt lão* : Trăng già. Do tích trong sách U minh lục. Đời Đường ông Vi-Cổ đến Tống-thành lúc ban đêm gặp một người già-cả ngồi dưới bóng cung trăng, mắt xem quyền sổ và tay cầm một cái dây, đựng giấy đỏ (xích thẳng, tơ hồng). Ông hỏi thì Cụ già bảo sách là tập thư định - hôn chép tên vợ chồng những người sẽ phải kết duyên cùng nhau, và cái dây giấy đỏ đó là để buộc chân người trai người gái bắt phải kết làm vợ chồng. Ông già lại đem Vi-Cổ đi vào trong chợ, gặp một

người đàn - bà bỗng đưa con gái ba tuổi, thời cụ chỉ đưa con gái mà bảo là vợ của Vi-Cổ. Quả nhiên cách mười bốn năm sau, Vi-Cổ lấy người ấy làm vợ thật.

Tay Nguyệt lão cũng như nói tay người cầm nhân-duyên vợ chồng của mọi người.

(10) *Giấy* : là sợi tơ hồng (xích thằng) của Nguyệt-lão.

Câu 58 là ý nói sao Nguyệt-lão cầm mãi sợi xích thằng trong tay, chẳng xe cho ta để ta được gặp gỡ tri-kỷ trăm năm.

(11) *Nầy mực đương vừa* : cũng như nói cân nhắc cho bằng. Nầy mực là về việc mực, trước khi cưa, thợ thường dùng giấy có mực để kẻ đường trên ván, rồi theo đó mà cưa cho thẳng. Nầy mực đương vừa nghĩa là đến tuần kết tóc xe tơ thì duyên chồng vợ cũng nên đôi xứng lứa.

(12) *Sao đành* : lời than thở của kẻ hồng nhan vì một nỗi nghèo nên đành phải phòng không chiếc gối không ai đoái hoài đến.

(13) *Hằng* : tức là Hằng-nga, do tích trong sách Hoài-nam-tử : ả Hằng-nga nguyên là vợ ông Hậu-Nghệ đời xưa. Lúc ông Hậu-Nghệ xin được thuốc tiên của bà Tây-Vương-Mẫu đem về, nàng ăn cắp thuốc ấy và chấp cánh bay trốn lên cung trăng làm một nàng tiên sống lâu đời đời.

(14) *Đành hanh* : đem lòng ghen ghét

(15) *Đang tay* nghĩa là nữ phũ tay làm đành đoạn, không thương xót đến ai.

(16) *Khăng khăng* : là giữ chặt trong tay không chịu buông thả ra.

Câu này và câu trên ý nói chị Hằng sao nữ đem lòng ghen ghét, không xe giây cho ta, để duyên ta đành phải thiệt thòi.

Câu 63 nghĩa là xe đôi kết lứa không công bằng.

(17) *Nhắc* : là lo đến, nói đến.

(18) *Hằng* : là thường thường (ví dụ : hằng ngày).

(19) *Trơ* : là không có gì.



HÒA LỮ KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN-GIẢ : Dương Bá-Trạc

XII

HỒI THỨ BA

(Tiếp theo)

Bộ-Lĩnh thưa lại mẹ rằng :

— Con được nhờ công mẹ tác-thành, khôn lớn nên người, vẫn hết lòng lo làm cho quang hiển gia-môn, gọi là mảy mụn báo đền cái ơn nghĩa non cao biển thẳm, chỉ hiềm thể cô sức bạc, một mình khó nổi mưu toan ; nay đội hồng phúc mẫu thân, thêm được có hai hiền đệ đây đồng tâm phụ-tá. Trăm lạy mẹ. phen này thì con quyết thanh gươm yên ngựa lên đường, làm cho rõ mặt phi thường mới cam. Ngọt bùi vắng vẻ hôm mai. xin mẹ cũng lượng lòng cho mà dung kẻ con hèn bất hiếu.

Kể đến Nguyễn-Bặc Đình-Điền đồng từ nói :

— Chúng con mồ côi mồ cút, từ cổ vô thân, cái thân siêu dạt lênh đênh, biết đâu được có ngày nay như thế ; chẳng qua cũng nhờ được lòng trời thương-tạ, đức mẹ cao dày, vớt rề dang mà nhặt lấy rau, bỏ tấc mực mà dùng lấy gỗ, cho chúng con được nường nhờ bóng cả, theo gót sân hòe, cảm kích ơn sâu, dầu làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai cũng không dám tiếc. Một lời đã chót thâm giao, dưới thời có đất trên cao có trời, quản gì vượt bể ra khơi, tử sinh cũng giữ lấy lời tử-sinh, thưa mẹ ạ.

Bà Đàm-thị cả cười mà rằng :

— Hay, hay lắm, thật là anh hùng tụ thủ, trung khí nhất môn, non sông đã có chủ-trương, cơ-nghiệp khó gì gây dựng. Nay đại khai yến-tịch, mẹ cùng ba con xum vầy một tiệc, truyền cho mục-đồng các ngũ đều được khao thưởng cơm rượu no say.

Ba người cùng dạ dạ vâng lời : các mục-đồng ở ngoài nghe lệnh cũng đều hoan hô vạn tuế, kéo nhau ngồi vào dự tiệc, chuyện trò vui vẻ ăn uống mãi đến chiều tối mới tan.

HỒI THỨ TƯ

Khởi nghĩa binh Hoa-Lư lập cước,
Xung động chúa Đinh-thúc gây thù.

Tối hôm ấy, các ngũ mục-đồng tan tiệc đã đâu về đấy cả, ba anh em cùng ngồi đàm-đạo tâm sự với nhau.

Bộ-Lĩnh nói :

— Nay anh em mình định gây nghiệp lớn, trước hết phải định một căn-bản cho có đường tiến đường lui. Anh xem ở vùng Sơn-động đây, núi sông hiểm trở, đường xá quanh co, cũng là cái đất dụng võ của anh hùng được, vả là thung lũng của anh em mình thuở nay, địa thế đã am tường, nhân tâm cũng tín phục. Người ta thường nói : Cọp xuống đồng bằng bị chó khinh ; hổ bắt ly sơn, ta cũng không nên dời bỏ chỗ sào huyệt của ta, phải chiếm cứ vùng này, lập cước cho vững đã, dần dần chiêu binh tập mã liệu cơ thừa thời, lúc vũ dục thành rồi, thì biển rộng trời cao, tha hồ vùng vẫy. Hiện đã được mười hai ngũ mục-đồng là thân binh thủ túc, ta kíp khá ra tay điều khiển, thu giữ lấy thành trì, trấn phủ lấy dân chúng đất này ; tự mai trở đi, ta sẽ chiêu tập

cả các ngũ mục đồng, chia làm hai đạo, hai em mỗi người thống suất một đạo, kéo đi kinh-lược các làng. chỗ nào từng phục thì phát hiệu ra lệnh, mộ binh bổ lương, chỗ nào gân ngang thì lấy quân pháp trừng trị cho đến phải hàng phục mới thôi; có đất có dân, dù nhỏ cũng đủ cho mình có tư cơ bằng ta. Hai em nghĩ thế nào?

Nguyễn - Bặc nói :

— Kha kha thật là diệu toán vạn toàn. Em xin được cầm một đạo quân, chỉ giáo dương cung, đánh đông dẹp bắc; hễ chỗ nào dám không từng phục, thì em quyết phẫn dũng ra oai, cuốn chiếu trường khu, man man lập hẳn cơ đồ nhất thống.

Đinh-Điền nói :

— Thưa hai kha kha, đi lười còn phải có cái nhà bè, đến rừng còn phải có cái túp lá, làm việc gì mà không có một nơi căn - bản sao nên. Rừng có vực, hùm có hang, nhân địa lợi, y nhân hòa, tức là cái vực cái hang của các đảng anh-hùng hào-kiệt vậy. Vua Hán-cao tổ không có Hán-Trung thì nương tựa vào đâu mà thắng được Hạng-Vũ, ông Lưu-huyền-Đức không mượn kinh-châu thì bầu-bíu vào đâu mà đánh được Tào-Tháo, động Hoa-lư của anh em mình đây cũng là Hán-Trung của Cao-tổ, kinh-châu của Huyền-Đức đấy. Đãi-kha nghĩ thế chính hợp lòng em. Bây giờ nhất diện thì chiêu binh mãi mã, sửa sang khí giới, luyện tập quân gia, nhất diện thì truyền hịch đi các làng, biểu lấy cái nghĩa dẹp-loạn yên-dân, bảo lấy cái lòng trừ tào khử bạo, bao nhiêu những việc tổng lương bắt lính, lấy của giết người mà nhân dân đã bị khổ về các sứ-quân thuở nay, thì ta đều phải làm khác hẳn; em chắc cái lòng nhân của mình ngày càng rõ rệt, cái tiếng nghĩa của mình ngày càng đi xa, người ta đương như khát được uống, như đói được ăn, quyết không phải dùng một ngọn giáo, mất một mũi tên mà các nơi thầy đều qui

phục hết ; nếu còn có kẻ nào ngoan-ngạnh, thì lấy thuận đánh nghịch, lấy trực đánh khúc còn có khó gì.

Bộ - Lĩnh khen phải mà rằng :

— Anh em ta đã cùng ý-kiến, tính không sót nước, thì sau đây ta cứ y kế mà làm. Đinh-Điền ! em nên nghĩ ngay lấy hai tờ hịch : một tờ hiệu dụ các quân lính, một tờ bá cáo các nhân dân. Nguyễn-Bặc ! em vốn là võ nghệ xuất quần, khiến giáo cung tên nghề gì cũng tinh thực cả, em nên hết sức tập rèn quân lính cho thành được vô địch tinh-binh, có thiết giới một đều là cấm chỉ các ngũ quân đi tới đâu kỷ-luật phải giữ cực nghiêm, thương trẻ kính già, nhất hào vô phạm mới được ; ấy ta cùng với các sứ-quân khác hơn kém nhau chỉ cốt ở một điều đó mà thôi, hai em ạ !

Nguyễn-Bặc Đinh-Điền đều dạ dạ vâng mệnh. Bấy giờ gà đã gáy nửa đêm, ba người mới cùng nhau đi ngủ. Sáng ngày, ba anh em giở giấy dặt nhau vào hầu bên giường mẹ, đem các câu chuyện nói đêm trước thuật lại bà Đàm-thị nghe. Bà Đàm-thị cũng tấm tắc khen phải mà rằng :

— Thánh hiền đã dạy : dân không hấn là mền ai, ai có nhân thì dân mền. Xưa Lương-huệ-vương hỏi thầy Mạnh - Tử ai là người nhất thống được thiên-hạ, thầy Mạnh-Tử nói chỉ ai không thích giết người là người ấy nhất thống được mà thôi. Các con tính việc mà biết nghĩ đến điều này thì thật là thâm thời đạt lý lắm. Tờ hịch truyền đi, nghĩa binh nức tiếng, chắc các làng đây không đâu là chẳng phục tùng. Mẹ chỉ e có một nỗi là Bộ-Lĩnh con còn nhỏ tuổi, dù có tài đức mà thẳng chú con nó vẫn ra ý khinh nhờn ; thẳng chú con ngỗ ngược tính thành, lúc cha con sinh thời vẫn phàn nàn là phải đưa em hư giãn dạy không được ; nó tài gì đức gì chẳng có mà hiếu thẳng tự đắc chỉ muốn lấn áp người ta ; các con bây giờ cử sự, nó ỷ mình là người trên trước, tất không chịu

ở dưới nào, mà tôn nó ở trên thì việc chưa làm cũng cầm chắc hỏng; việc quốc-gia, tình cốt nhục, thế mới rõ khó xử thay!

Bộ-Lĩnh nói:

— Thưa mẹ, con cũng vẫn biết thế, nhưng làm sao được, không có lẽ vì một người chủ bất lương đó mà chịu sắp bỏ công việc hay sao, việc đã thi hành, con sẽ liệu tới đâu hay đó.

Nguyễn-Bặc nói:

— Việc nước không kể tình riêng. Con xin cứ quân-pháp mà làm, ai nghịch mệnh cũng không dung cả.

Đinh-Điền nói:

— Người ta trừ khi kẻ cùng gian cực ác, lấy ơn cố kết, lấy tình lý khai đạo cũng được cả, chứ có hề chi; huống chi lại là chỗ cốt nhục chi thân, lại càng dễ lấy thiên-tính cảm động lắm. Xin cứ quyết việc nào việc nấy, nếu sau này Đinh-thúc có sinh lòng ngoan ngạnh, để em đưa đầy cái lưỡi cùn ba tấc, nhờ phúc nhà vận nước, may mà êm chuyện được cũng nên.

Cơm nước xong, Bộ-Lĩnh truyền chiêu-tập hết thầy các ngũ mục-dồng, các ngũ trưởng đều đem quân đến chực trước cửa ngoài hậu mệnh. Lúc ấy Đinh-Điền đã thảo xong hai tờ hịch trình lên Bộ-Lĩnh duyệt phê. Bộ-Lĩnh xem rồi đưa lại Nguyễn-Bặc xem mà khen rằng:

— Tam-đệ ta thật là có cái văn-tài kinh thần khắp quỉ. Xưa vua Hán-cao-Tổ hạ tờ chiếu cầu hiền mà thiên hạ nức lòng qui phụ, Trần-Lâm vì Ngô-Quyền thảo tờ hịch kể tội Tào tháo mà Tào-tháo đương đau xem đến tình thần phải tán lạc, mắt hấn nhưc dầu, hai bài hịch của Tam-đệ ta đây cũng không khác gì thế. Nhị-đệ xem thử mà xem.

Nguyễn-Bặc xem một lượt rồi nói:

— Em võ-nhân vô học, chẳng biết văn-chương thâm-thúy thế nào, nhưng lồm bồm hiểu được năm mười câu ý-từ sâu sắc, lời lẽ hùng hồn, cũng thấy cảm động thấm-thía lắm. Không trách em nghe người ta thường nói những câu : ngọn bút quét ngàn quân, một tờ giấy mạnh hơn mười vạn lính, phải thật. Em nghĩ mà tiếc cho em hồi bé thất học, đến nỗi ngu si dốt nát thế này ! Cái sức em ra xông tên hừng giáo, chẳng qua địch nổi độ mười người trăm người là cùng, chứ hai bài hịch của tam-đệ thảo đây, tưởng mười huyện trăm thành đập đổ như chơi vậy.

Đình-Điền vội vàng đứng dậy đỡ lấy hai tờ hịch nói ;

— Kha - kha quá khen khiến cho em phải đeo lòng hồ then ; nhân - tâm trợ thuận, thiên-hạ qui nhân, cứ cái đức lượng, cái khí độ của Kha-kha, chắc thế nào cũng tiếng nghĩa vang lừng, kẻ khôn vui mà ra mưu, kẻ mạnh vui mà ra sức, dân về với người có đức như cá vào sông, như chim về rừng, từ lệnh của em cũng gặp dịp ăn may mà thành công được, chứ lấy ngón cảm có bằng lấy đức phục được thế nào. Nhị kha tiếc hồi bé thất học, không ba-hoa múa bút được như em nhưng cái dũng lược, cái can đảm của anh thì hồ để mấy ai sánh kịp. Đã hay rằng ngọn bút may cũng có lúc quét được nghìn quân, mà đương lúc bốn bề sẵn hươu, lại có khi phải ném bút mà theo việc nhung hiên mới (1) được.

(Còn nữa)

1) Điền trong thơ có câu : Bốn phương đương độ đuổi hươu
bút lông ta ném đi theo chiến trường. (dịch nguyên văn chữ Hán :
Trung Nguyên hoàn chực lộc đầu bút sự nhung hiên

Trong bạn đọc báo, ai có Văn-học số 1, thừa không dùng đến xin cứ gửi về cho Bản chí, Bản chí sẽ gửi trả lại tiền bằng timbres postes. Các ngài cứ cuộn vào rồi giá 1 xu tem là được



(NÀ THOẢNG ĐẢI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

VIII

Bạch-Hùng sẵn quần quá gối, lưng đeo rỏ tay cầm vọt đứng giữa giòng ngòi, thoáng thấy con cá nào nổi lên, thì, nhanh như chớp, anh đã dơ vọt súc lấy cho vào dỏ. Mai - Dung cũng đứng cạnh đấy, nhưng luống cuống chỉ những ngã vọt hớt trượt, mỗi lần như thế, hai người lại cười vang. Bỗng chốc một con cá chép to tụt dưới giòng nước đục lập-lờ nổi lên.... Bạch-Hùng dơ vọt vừa định súc thì, đánh ầm một cái, nước bắn tứ-tung, Bạch-Hùng đã ngã lăn-chiên xuống, dỏ cá đeo sau lưng đồ mất chừng non nửa. Anh vùng trở giậy đã thấy cậu Vát

đứng cạnh đấy, tay dơ cái vọt, bên trong con cá chép đang vẩy-vùng, miệng thì cười ha-hả ra giáng đắc-chí lắm. Hai đứa đầy tớ nhà cậu cũng thi nhau cười như nắc-nẻ. Bạch-Hùng giận lắm quắc mắt hỏi :

— Thế là nghĩa-lý gì ?

Cậu Vát lại càng cười đấy, nói :

— Là nghĩa thế chứ gì !

— Anh lão vừa chứ !

— Thì tao lão đấy, thứ mày liệu làm gì nổi tao ?

Mai-Dung sợ sinh truyện đánh nhau, chạy lại kéo tay Bạch-Hùng :

— Anh nghe em, làm quái gì truyện nhỏ mọn ấy.

Cậu Vát thấy thế, đang cười bông cau nét mặt quát lên rằng :

— Này Mai-Dung ! Tôi không khiến cô giầy vào truyện tôi với Bạch-Hùng. Cô cứ mặc xem thằng ở nhà cô nó làm gì tôi nào !
Bạch-Hùng điên tiết sẵn lại :

— Đồ vô-lại, trông đây này !

Rút lời, bàn tay sắt nắm ngay cổ Vát quật đánh ùm xuống nước. Hai tên đầy tớ vào bênh chủ cũng bị một đấm một đá ngã đè cả lên lưng chủ. Ba thầy trò cậu Vát đau và tức lắm, cố gượng giậy kêu rầm lên.



— Ối làng nước ơi ! Nó đánh chết thầy trò tôi rồi.

Tức thì vây cánh chúng đồ-sô lại, lăm-le chực đánh Bạch - Hùng. Anh ta vẫn ung-dung như thường không hề có ý sợ hãi. Các ông bà

già thấy to tiếng kéo đến hỏi duyên cớ làm sao. Một tên đầy tớ cậu Vát vội nói :

— Thưa các cụ, thằng ở nhà ông Chánh này cướp cá của cậu chúng tôi. Cậu tôi có mắng nó sao được

hỗn lão thể, không những nó không nghe lại còn buông nhời càn-rỡ và đánh ba thầy trò tôi.

Tên nữa cũng họa theo :

— Thăng này ở đâu trôi rạt đến đây lại dám đánh chủi con đàn anh, như thế thì nó còn kiêng sợ ai nữa !

Bach-Hùng vừa toan cãi, nhưng Mai-Dung đã cất tiếng khinh-bĩ bảo bọn Vát rằng :

— Thầy trò nhà anh như thế chẳng hèn lắm sao ! Không phải tôi bênh, nhưng tôi xin làm chứng rằng chính thầy trò anh cậy đông toan ăn hiếp người ta.

Cô nói đoạn bèn thuật rõ đầu đuôi câu truyện cho mọi người nghe, và tố cáo luôn tội ác của Vát lúc sáng ngày ở trong rừng, đoán rằng vì Bach-Hùng đã dám can-đảm bênh - vực cô nên Vát thù, cố ý gây truyện. Mấy câu lọt mắt nạ phượng vô-sĩ khiến cho nhiều người rất bất bình, sỉ-nhục thầy trò Vát và ngỏ nhời khen ngợi Bach-Hùng. Ba tên kia bẽ mặt, nhân lúc ai nấy quay cả vào an - ủi Bach-Hùng, bèn lúi mắt Đám ruốc cá cũng vì thế mà tan.

Bach-Hùng rất cảm-động vì sự can-thiệp can-đảm của Mai-Dung. Nhờ thế, nổi gay của anh ta mới tỏ ra được, chiếc thân cô-độc mới không đến nỗi bị kẻ mạnh thế hãm vào vòng tai vạ. Tuy vậy, anh lấy hai lần lời thôi với Vát trong ngày hôm đó làm phiền lòng; đêm hôm ấy anh buồn-rầu không sao, ngủ được, ra sán ngòi, ngừng đầu nhìn trăng sao, nhìn những đám rừng âm-thầm đặng xa, nghe tiếng dế run kêu ngoài nội cỏ, nghe khúc trường - hận của giọng ngòi cô-tịch, lòng anh man-mác, trí nghĩ băng-khuàng Anh nghĩ mình từ khi mẹ chết, vâng nhời dặn bảo, đem thân đi tìm dấu - vết thù-nhân, bảy tám năm trời dằng dằng ngọn suối chân đèo, không chỗ nào có động ở là anh không đến, thế mà việc phục thù vẫn chưa tiến được bước nào. Lại từ khi đến động Móc này, vì ngờ-ngợ mà làm với ông Chánh Quan, cũng tưởng rồi được bỏ công tìm kiếm của mình, chẳng ngờ tung tích ông ta cũng mờ mịt vô cùng. Thế là tháng ngày lần lữa, thấm thoát hai độ xuân về, anh

vẫn chưa quyết định ra sao. Đến ngày nay, nào tơ tình vẫn vít, nào thù oán lồi thoi, chẳng rõ cái tương lai của anh rồi sẽ thế nào. Không phải Bạch-Hùng sợ mình đắm say mà hối hận, cũng không phải anh thấy thù oán cùng kẻ mạnh thế mà anh lo, anh chỉ vì thấy hai năm trời qua đi, bao nhiêu thì giờ anh bỏ phí, anh lãng xa cái mục - đích phục-thù cha, lòng anh bỗng riêng thẹn với đạo làm con, bẽ bàng với nhời hứa trước mặt mẹ già trong cái phút anh cùng mẹ sắp biệt-li thiên-cổ Anh ngao ngán và ngã lòng định bụng hôm sau bỏ động Móc lại đi liêu chuyển nữa.

Quyết định như thế, trong lòng lại thấy hăng-hái vô cùng. Anh gần như được vui lòng, liếc mắt nhìn quanh như muốn nhờ mọi vật làm chứng cho tấm lòng anh không phải ham-thích sự gì đến nỗi cố-tình quên mất đạo làm con. Anh khẩn vong-hồn cha mẹ phù - hộ cho anh chóng gặp mặt thù nhân. Rút lời, chợt một cơn gió lạnh thoảng qua, tiếng

gà bắt đầu gáy sao-sắc, anh biết đêm đã khuya lắm, bèn vào nhà đi nghỉ. Suốt ngày làm-lụng nhiều, cảm-súc nhiều, Bạch - Hùng bấy giờ mệt lắm. Anh đặt mình nằm, chẳng bao lâu đã ngủ say. Thần-hồn phảng phất, anh thấy mình tìm được La-văn Đẩu. Anh mừng quá rút giây thiền trói ghì ngay Đẩu vào gốc cây, rút mũi tên đặt vào kẽ nỏ dơ lên. Anh run cả người, trái tim đập thình-thịch vì chỉ trong giây phút là anh trả trong thù. Anh sung - sướng vô cùng, khẩn linh-hồn cha mẹ về mà chứng-dám cái thủ đoạn của anh, đoạn dơ nỏ, rim mắt nhắm giữa ngực Đẩu ... Nhưng trước khi hạ - thủ, anh còn muốn cho Đẩu hiểu rõ việc anh làm, bèn quát to bảo hẳn rằng :

— La - văn - Đẩu ! mày có nhớ khi trước mày đã dùng mũi tên độc này giết chết Bạch-Hồ không ? Bạch-Hồ là cha tao đó. Mày tưởng mày trốn đến đây là thoát, nhưng có biết đâu đạo giới công chính, kẻ đã giết người thì trước sau tất rồi cũng phải giết chết. Nay cái giờ

kết tội của mày đã đến, hãy can đảm nhận lấy mũi tên của mày đây !

Ngay lúc ấy, ông Chánh giẫy ra ngoài. Ông vừa ở ngoài sân bước vào thì câu nói của Bạch-Hùng bỗng như một tiếng sét đánh bên tai, Ông Chánh hoảng hồn, quỵ hai gối xuống mặt ván sàn. Bạch-Hùng quát to quá, lại thêm tiếng động bởi ông Chánh ngã, anh ta giật mình ngồi nhồm giẫy : Ông Chánh thấy vậy sợ lú cả lưỡi :

— Ó ! . . . ơ ! anh . . . anh Bạch-Hùng cái gì gì thế ?

Bạch-Hùng ngờ-ngẩn đáp :

— Cái gì hở ông ? Ông làm sao thế ?

Ông Chánh nghe câu hỏi vững dạ, gượng đứng dậy, nén sợ nói rằng :

— Vừa rồi anh ngủ mê, nói cái gì vậy ?

Bạch - Hùng bấy giờ đã nhớ ra, nhưng sợ lộ câu truyện nên chối rằng :

— Không ! . . con có nhớ gì đâu ! ông thấy thế nào ?

Tôi ở ngoài sân vào, vấp một cái đau quá, đang ngồi soa thì thấy anh quát to những giết . . . bắn cái gì ấy.

— Thực à ? . . con ngủ mơ chẳng hiểu gì cả ?

— Thôi đi ngủ đi mai giẫy sớm còn ra đồng.

Ông Chánh nói đoạn lật-đật vào buồng. Thoạt tiên ông mừng rỡ như người vừa chết hụt. Nhưng sau ông đâm lo sợ không sao yên giấc, câu truyện vừa xảy ra thực như một cơn mộng hãi-hùng ! Đợi ông thôi thế là từ đây soay ra một thế khác đầy những sự bấp-bênh nguy-hiểm. Ngay lúc ấy, ngoài vườn, trong khoảng tối-tăm tịch-mịch, chợt có mấy tiếng cú kêu. Tiếng lạnh-lẽo làm cho ông Chánh rùng mình, mơ hồ như nghe thấy tiếng gọi của Tử-thần . . .

(Còn nữa)

Có nhiều độc-giả

hỏi về quyền Eurydice. Vậy xin trả lời chung rằng : quyền tiểu thuyết Eurydice ấy là của ông NGUYỄN-TIẾN-LÃNG soạn, đã được giải thưởng nhất Indochine 1932, mà nhà in Đông-Tây xuất bản, in một bên chữ tây. một bên quốc-ngữ do tác-giả tự diễn nôm. Các Ngài cần mua xin cứ gửi bằng timbres postes (giá sách 0\$25 và tiền cước thường 0\$03) cho Đông-Tây ấn quán 193, phố hàng Bông Hanoi.

CHINH PHỤ NGAM

DỊCH RA PHÁP - VĂN

(Tiếp theo)

269. — Bui có một tấm lòng chẳng dứt,
Vốn theo chàng giờ khắc nào người.
Lòng theo nhưng chưa thấy người,
Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.

273. — Trông bến nam, bãi che mặt nước,
Cỏ biếc um, dâu mướt màu xanh,
Nhà thôn mấy khóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm (1).

Seul mon cœur ne cesse de vous suivre et jamais il ne connaît d'apaisement. Si je suis auprès de vous par la pensée, je reste toujours loin de votre personne. Et bien des fois, je suis monté sur une hauteur et j'ai regardé au loin dans l'espoir de découvrir les roues de la voiture qui vous ramène.

J'ai regardé l'embarcadere du Sud, mais le rivage cachait la surface de l'eau. Et je n'ai vu que d'épaisses herbes et des mûriers au feuillage d'un vert lustré. Ça et là, apparaissaient quelques maisons branlantes, et vers le soir, se posaient sur le récif une bande d'algues.

1) Var. vers 275-276. Xóm làng gần nửa lênh chênh,
Chim còn bãi cát những tình chiều hôm

PLAINTES DE LA FEMME D'UN GUERRIER

Poème populaire annamite

Traduction littérale et interprétation française

PAR UYÊN - TOÀN

(Suite)

269. — (Il) n'y a qu'un cœur (qui) sans cesse. [toujours vous suit (et en aucune), heure (en aucun) quart d'heure, ne (connaît d')apaisement.

(Mon) cœur (vous) suit, mais (je) ne vois pas encore (votre) personne.

(Je) monte (sur une) hauteur (à) plusieurs reprises pour regarder (au) loin (les) roues (de la) voiture (qui vous ramène).

273. — (Je) regarde (l')embarcadère (du) Sud : (le) rivage cache (la) surface (de l')eau.

(Et je vois des) herbes vertes (et) touffues (et des) mûriers (au feuillage d'un beau) vert lustré.

(Les) maisons (du) hameau (réparties en) quelques groupes (paraissent) branlantes.

Une bande (d')aigrettes se pose devant (le) récif, le soir.

277. — Trông đường bắc đôi chòm quán khách,
 Rườm rà cây, xanh ngắt núi non.
 Lúa thành thoi thóp bên cồn,
 Nghe thôi ngọc dịch véo von bên lầu (1).

281. — Non đồng thấy lá hầu chắt đồng,
 Trĩ sập-sèo, mai cũng bể - bai.
 Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
 Con chim bạt gió lạc loài kêu thương.

285. — Lũng tây thấy nước nhường uốn khúc,
 Nhạn liệng không, sóng giục thuyền câu.
 Ngàn thông chen chúc cỏ lau,
 Cách ghềnh thấp thoáng người đầu đi về.

J'ai regardé la route du Nord : j'ai vu quelques groupes d'auberges et, dans le lointain, des arbres touffus et des montagnes d'un bleu foncé. Sur le talus de la citadelle, des plantes de riz dépérissaient parmi le sable, et d'un château voisin sortait le son d'une flûte qui susurrail.

Sur le mont de l'Est, j'ai vu des tas de feuilles. Des faisans s'agitaient et des pruniers se remuaient. Le brouillard, épais comme de la fumée, enveloppait les forêts lointaines et un oiseau, battu par le vent et égaré de sa troupe, poussait des cris apitoyants.

Dans la vallée de l'Ouest, j'ai vu un cours d'eau sinueux. Dans l'air planaient des hirondelles ; sur l'eau, une barque de pêche avançait sous la poussée des vagues. Dans une forêt de pins, se pressaient des touffes de roseaux, et, au delà du récif, j'entrevois des passants inconnus qui rentraient à leur logis.

Var. vers 277-280 : Trông đường bắc *lì*m chòm quán khách.

Mây biểe, cây non, ngắt giới xanh.
Nửa hòa thử tỉnh hoang thành,
Mưa phun mặt nước, dịch quanh nóc lầu.

277. — Je regarde (la) route (du) Nord (et je vois) quelques groupes (d')auberges (pour) voyageurs,
(Des) arbres touffus (et des) montagnes (d'un) bleu foncé.

(Le) riz (qui pousse sur le talus de la) citadelle dépérit à côté (des) bancs (de sable).

(J')entends seulement (le son d'une) flûte (de) jade (qui) susurre (dans un) coin (de) château.

281. — (Sur le) Mont (de l')Est, (je) vois (des) feuilles (qui forment) presque (des) tas,

(Des) faisans (qui) s'agitent (et des) pruniers (qui) également se remuent.

(Telle la) fumée (le) brouillard enveloppe (les) forêts lointaines.

(Et un) oiseau, battu (par le) vent, s'égare (de sa troupe (et pousse des) cris apitoyants.

285. — (Dans la) vallée (de l')Ouest, (je) vois (l'eau (qui) semble sinueux,

(Des) hirondelles (qui) planent (dans l'espace (et des) vagues (qui) poussent (une) barque (de) pêche.

(Dans la) forêt (de) pins se pressent (des) touffes (de) roseaux.

Aa delà (du) récif, (j')entrevois (des) passants (qui, on ne sait) d'où, rentrent.

(à suivre)

CÙNG CÁC NGÀI CHƯA TRẢ TIỀN BÁO

Theo thư các ngài báo hễ nhận được Tạp-chí của chúng tôi thì sẽ gửi trả tiền cho. Báo chúng tôi gửi hầu các ngài tới nay đã đến số 13 rồi mà vẫn chưa thấy các ngài gửi trả. Vậy giám mong rằng khi ngài tiếp được số báo này thì kíp gửi số tiền mua báo của ngài về cho chúng tôi để chúng tôi lấy tiền chi dụng.

Số tiền mua báo này đối với ngài không là bao, nhưng hợp nhiều số của các ngài thì nhà báo mới có cơ vững vàng và thịnh vượng để mỗi ngày mỗi chấn chỉnh hơn,

Mong ngài gửi ngay số tiền mua báo về trả cho. Nếu từ nay đến 15 Mars 1933 mà chúng tôi không tiếp được mandat hay timbres postes của các ngài thì chúng tôi phải bắt đắc dĩ nhờ nhà Bưu-chính thu hộ. Nếu có thêm tồn cho các ngài thì xin các ngài chớ trách chúng tôi. Đa tạ ngài trước.

V. H. T. C.

tin tức
TRONG LÀNG VĂN

Bản chỉ tiếp được bài này nhờ đảng báo:

Lúc này, cái đảng khiến cho thức-giả đau lòng nhiều hơn, có lẽ là tình hình báo giới.

Từ ngày nạn kinh-tế khủng-hoảng tràn đến xứ này, báo chí Bắc-kỳ, nhất là các bạn hàng ngày, biết bao nhiều tờ bị đổ vì ngọn trào ác-nghịch đó!

Giữa lúc, trong thì việc nước đương cần đổi mới, ngoài thì cục-diện thế-giới mỗi ngày mỗi đổi như sân khấu, rạp tuồng, báo giới của ta bị hăm vào quang cảnh như thế, chẳng những buồn riêng cho các bạn làng văn, mà cũng thiệt chung cho cả xã-hội nữa.

Bởi vậy chúng tôi một bọn đã từng lăn lộn với nghề cầm bút trong nhiều năm cùng nhau điều đình với ông Mai-du-Lân, đứng ra nhận việc quản-trị tờ Thực nghiệp Dân-báo là một tờ báo đã góp mặt với ngôn đàn mười mấy năm trời.

Từ ngày 15 Mars sau mà đi Dân-báo sẽ lại ra hàng ngày làm bạn với đọc-giả.

Mục đích chúng tôi trong việc này, một là muốn đem hết tài lực cố gắng hiến đọc-giả một cơ quan ngôn luận xứng đáng, hai là muốn mượn tờ báo mà liên lạc anh em đồng chí trong làng văn, sau nữa việc phấn đấu với cuộc suy bại của nghề, cũng là phận sự kẻ biết trọng nghề vậy.

Đành rằng đối với hiện thời dẫu thêm một tờ báo hàng ngày cũng chưa đủ chấn hưng cảnh sa-sút của báo giới, nhưng chúng tôi không giám vì sự khó nhọc mà ngã lòng, huống chi đem cái nhiệt thành của chúng tôi hợp với sức tán thành của quốc-dân và công phu của các bạn đồng nghiệp, thì cái hy-vọng trên kia quyết không đến nỗi hoàn toàn là mộng tưởng.

Tháng ngày đã dục, tiền lộ còn dài, xin đọc-giả quốc dân hãy đợi cho.

Nay kính cáo.

Chủ nhiệm : Tùng-phong HỒ-KHẮC-QUẢNG
Bộ biên tập ở Hanoi : Trúc-sơn MAI ĐĂNG-ĐỆ
Dật-công PHẠM QUẾ-LÂM - Minh-Dân PHAN-TRẦN-CHỨC
Phương - Du HỒ-KHẮC-TRĂNG - Lộc - Hà NGÔ-TẮT-TỔ

CÔNG VIỆC NHÀ BĂNG

Cuốn sách này khi mới xuất-bản, được các báo chí trong Nam ngoài Bắc khen ngợi một cách đặc biệt, nay xin trích một bài bình phẩm của báo Đôngtây

Trong tủ sách nhà Nam, ngoài mấy bộ sách về địa dư, về lịch sử, về học-thuật, về tiểu-thuyết, nay thấy thêm được một tập giấy dày hơn hai trăm trang, bìa đóng chắc chắn, ra hẳn một cuốn sách nữa.

Một cuốn sách của ông Dương Tự-Nguyên mới xuất-bản.

Đôngtây giới thiệu nó một cách trịnh-trọng, chẳng qua Đôngtây thấy nó viết ra có ích, hợp-thời, hợp với cả ý muốn của Đôngtây.

Có ích, vì cuốn sách in ra không đến nỗi phải thương giấy mực, làm loạn óc người xem; hợp-thời vì cuốn sách viết ra chính là giúp quốc dân tiến vào bước thực hành trên đường kinh-tế; mà hợp với ý muốn của Đôngtây, vì công việc nhà băng chính là một ngành của khoa kế toán, lại tức là một đồ cần-dùng cho khoa kinh tế, — khoa kinh-tế. Đôngtây thường bàn luôn.

Thế thì dở cuốn sách của ông Tự-Nguyên, xem có những gì?

Sách cả thầy có ba phần.

Phần thứ nhất, kể về nghề nhà băng cách tổ chức và cách cai-quản nhà băng.

Phần thứ nhì, công việc quan-trọng của nhà băng;

Phần thứ ba, cách tính lãi, khấu lãi, và lập sổ lưu-trữ hàng ngày.

Trong ba phần ấy, mỗi phần chia ra nhiều mục.

Đọc-giả thấy kể qua như vậy có lẽ đã nản đọc rồi.

Nhưng không, Đã đành nó không văn-hoa như tiểu-thuyết. **Công-việc nhà băng**, tác-giả viết ra một cách thông-thường dễ hiểu.

Việc nhà băng mà nói được cho người nghe dễ hiểu, ta nên

biết công cho tác giả. Ông Tự-Nguyên bởi đã thông-thạo về khoa này, nên mới viết ra được lưu-loát thế.

Đôngtây mừng ông Tự Nguyên.

Nếu lời mừng đó, không được số đông quốc-dân công-nhận, thì thật là một việc đáng buồn.

Buồn cái nước, ta thường khoe là văn-hiến, còn vất-vưởng sống đến ngày nay, muôn nước ganh nhau bằng kinh-tế, bằng các ngành khoa-học mà, cuốn sách này ra đời không được hoan-nghênh như những thứ chuyện tình khổn-nạn viết ra bởi những khối óc khổn-nạn.

Buồn cái sức chứa tri-thức của dân ta còn thấp kém hẹp-hòi, không chịu tập-nhận lấy mọi điều cần-thiết về lối sinh-hoạt ngày nay, mà trái lại, chỉ chết mê về những cái sáo-cổ-hủ, những cái điều rơm-rác.

Sống về tiền, mà chẳng biết lợi dụng đồng tiền!

Sống cùng người, mà chẳng hiểu giao-thiệp với người!

Hỏi cái sống ấy có đáng hay không?

Một cuốn sách đó chưa có tính-cách gì cao-xa, nhưng ta cần có nó ngay buổi đầu vào thực-nghiệp. Quốc-dân hoan-nghênh nó tức là cô-lệ cho những người viết sách có ích, cũng tức là đề bài trừ những cái nạn về truyền-tinh, văn-tinh tầm-bay.

Lời thành-thực, Đôngtây giới-thiệu quyển **Công-việc nhà băng** này lần nữa, cũng như đã giới-thiệu mấy cuốn sách có giá-trị từ trước đến giờ.

đôngtây

Sách này giá bán 1\$20 — Cước recommandé 0\$22

Có trư bán tại Đông-Tây ấn quán, 193. phố hàng Bông — Hanoi

MÙA THI ĐÃ TỚI

Cô cậu nào muốn thi đỗ bằng Sơ-học yếu lược thì nhớ mua cuốn
Tập Bài Thi

BẢNG SƠ HỌC YẾU LƯỢC

Của hai ông : DƯƠNG QUẢNG HÀM và DƯƠNG-TỰ-QUÁN cùng biên tập
Sách dày 170 trang — Mới in lại lần thứ năm
Giá bán : 0\$35 — Cước thường 0\$06

Sách này đã được Hội Đồng duyệt ý cho dùng trong các trường
Trong có nhiều bài thi làm sẵn, đủ các mục : ám tả, luận, tính đổ,
dịch Pháp văn, lại có các điều chỉ dẫn phân minh,

Mua 10 cuốn thêm 1 cuốn — Thư và mandat đề cho :
Đông-Tây ấn-quán — 193 phố hàng Bông — HANOI
Mua một cuốn gửi bằng timbres postes cũng được



NHÀ IN ĐÔNG - TÂY

193, phố hàng Bông Hanoi, do ông DƯƠNG-TỰ-QUÁN chủ trương mở đã 4 năm nay, được quốc dân hết lòng tin nhiệm vì in nhanh chóng, cẩn thận, giá lại rẻ

Ở đây lại có bán nhiều sách nhà nào cũng cần phải có như :

1° — **Nam nữ tu tri** Sách gây nôi giống và tăng thêm hạnh phúc cho vợ chồng. nói rất kỹ về chỗ thụ thai như nguyên nhân thành thai, kết thành nam thai hay nữ thai, những nguyên nhân có con và cách chữa cho có con — Giá bán : 0\$25, Cước thường 0\$03.

2° — **Gia lễ giản yếu** có cả các bài văn khấn, và khoản thức biên gia phả, lại có in nhiều trang để người nào có quyền này chỉ việc điền gia phả của nhà mình vào do ông Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn -- Giá : 0\$15, Cước thường 0\$03.

3° — **Vạn văn bách tuyên** trẻ con học xong A, B, C nên cho học sách này vì đã lựa chọn những bài trẻ dễ học, dễ hiểu lại vui và hay. — Giá bán : 0\$35, Cước thường 0\$06.